

FORTEX

Until Perfect

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



VƯƠN TỚI SỰ HOÀN HẢO

<https://fortex.com.vn>

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	5
1.	THÔNG TIN CƠ BẢN	5
2.	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	6
3.	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	7
4.	THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	14
5.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	15
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020	20
1.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	20
2.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	20
3.	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	26
4.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	28
5.	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	30
6.	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	31
III.	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33
1.	TỔNG QUAN NGÀNH DỆT MAY NĂM 2020	33
2.	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	36
3.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	38
4.	NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	42
5.	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	43
6.	GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	45
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	47
1.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	47
2.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.....	49
3.	CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2021	50
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	51
1.	THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	51
2.	SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52
3.	HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	57
4.	CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	59
5.	CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ...	60
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	61

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các nhân tố rủi ro	17
Bảng 2: Thành viên Ban điều hành.....	20
Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm	23
Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex.....	26
Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2020 của Công ty	28
Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính	29
Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2020	30
Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2020	36
Bảng 9: Cơ cấu Tài sản Doanh nghiệp.....	39
Bảng 10: Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp	41
Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex	51
Bảng 12: Các cuộc họp của HĐQT.....	56
Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT	57
Bảng 14: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán.....	58

T HÔNG ĐIỆN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đông, đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên,



Năm 2020, dù đối diện với nhiều khó khăn thách thức nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (“Fortex”) đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua và giao phó, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, các cổ đông và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Trong năm 2020, Fortex đã phải chịu khó khăn kép bởi (i) chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn diễn biến khó lường (ii) Đại dịch Covid-19 bùng phát đã gây ảnh hưởng tiêu cực đối với nhiều ngành nghề, nhất là dệt may. Thêm nhiều đơn hàng bị hủy bỏ khi sức mua toàn cầu giảm, văn hóa tiêu dùng thay đổi... Đứng trước những khó khăn kể trên, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV đã tìm mọi giải pháp tháo gỡ, nỗ lực duy trì việc sản xuất đồng thời tập trung tái cấu trúc, kiện toàn bộ máy và hướng tới việc kiểm soát rủi ro ... với mục tiêu chính là tạo sự yên tâm cho nhà đầu tư, khách hàng, đối tác,... Mặc dù kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 chưa đạt kỳ vọng nhưng đây là một kết quả đáng trân trọng nhờ vào nỗ lực và công sức lao động của tập thể Ban lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên Công ty.

Tuy đối diện với nhiều khó khăn nhưng ngành xuất khẩu bông sợi vẫn còn những cơ hội, đó là kim ngạch nhập khẩu dệt may toàn cầu 2021 dự báo tăng so với năm 2020; các thị trường mới tiềm năng như CPTPP, EVFTA được mở rộng; thu hút đầu tư nước ngoài tăng sẽ thúc đẩy dệt may,..., đây là những yếu tố sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện tốt hơn nhiệm vụ năm 2020. Với năng lực cốt lõi của Fortex, để đương đầu với những thách thức nhưng cũng là cơ hội trong năm 2021, Ban lãnh đạo và Cán bộ nhân viên sẽ phải nỗ lực hơn, không ngừng sáng tạo, đổi mới cách thức làm việc, tạo ra những sản phẩm mới để thu hút khách hàng và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty, nhanh chóng khắc phục những hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty,..

Năm 2021, với mục tiêu đưa Fortex trở lại vị thế hàng đầu trong ngành sản xuất sợi bông, Hội đồng quản trị tin tưởng toàn thể cán bộ nhân viên, người lao động tại Công ty luôn có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng đối mặt thử thách, đoàn kết quyết tâm thực hiện các mục tiêu được giao,... Đồng thời Hội đồng quản trị mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, giúp đỡ của Quý cổ đông, các đối tác cùng đồng hành với Fortex vượt qua giai đoạn khó khăn để hướng tới mục tiêu phát triển trong tương lai.

Kính chúc Quý vị
SỨC KHỎE – HẠNH PHÚC – THÀNH CÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(đã ký)

LÊ MẠNH THƯỜNG

T HÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin cơ bản
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch	: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Giấy CNĐKKD	: 1000400095 Cấp ngày 01 tháng 04 năm 2019 do Sở KH&ĐT Tỉnh Thái Bình cấp
Vốn điều lệ	: 500.000.000.000 đồng (<i>Năm trăm tỷ đồng</i>)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 312.672.361.078 đồng (<i>Ba trăm mười hai tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn không trăm bảy mươi tám đồng</i>) (Căn cứ theo khoản mục Vốn chủ sở hữu tại BCTC năm 2020 đã Kiểm toán của Công ty).
Địa chỉ	: Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Tỉnh Thái Bình, TP. Thái Bình
Số điện thoại	: +8422 7384 5379
Email	: contact@fortex.com.vn
Website	: http://fortex.com.vn/
Mã cổ phiếu	: FTM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sợi
 - + Sợi 100% Polyester Virgin
 - + Sợi 100% Recycled Polyester Dyed.
 - + Sợi 100% Recycled Polyester.
 - + Sợi 100% Cotton Chải thô (CD); Chải kỹ (CM)
- Sản xuất vải dệt thoi
- Hoàn thiện sản phẩm dệt
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Sản xuất hàng may sẵn, ...

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Fortex là sản xuất và kinh doanh các loại sợi cotton chất lượng cao bao gồm sợi chải thô CD, sợi chải kỹ CM. Một phần xơ sợi ngắn không đáp ứng sản xuất sợi CD/CM sẽ được tận dụng để sản xuất sợi kết thúc mở OE.

Sợi 100% Polyester (PE) nguyên sinh và 100% Polyester tái sinh màu là dòng sản phẩm mới thân thiện với môi trường bởi sản phẩm sợi không qua công đoạn tẩy nhuộm màu sau dệt và hoàn tất sản phẩm. Sản phẩm sợi thuộc chiến lược sản xuất xanh hướng tới phát triển bền vững với đầu ra là nguyên liệu sợi tái sinh 100% sản xuất tại Việt Nam và là lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm hàng dệt may khi Việt Nam ký kết hiệp định EVFTA, CPTPP.

Mặt hàng sợi hầu hết được sử dụng cho mục đích sản xuất may mặc, tiếp theo là sử dụng sản xuất đồ gia dụng như thảm, ga trải giường, khăn, vớ các loại..., cuối cùng là vải kỹ thuật dùng trong y tế, thủy lợi, giao thông Bên cạnh sản xuất và kinh doanh sợi thành phẩm, Fortex còn kinh doanh thương mại các loại sợi khác, kinh doanh bông nguyên liệu đầu vào nhập khẩu và các nguyên phụ liệu ngành sợi bán buôn cho các doanh nghiệp trong nước

Sản phẩm sợi

Sợi 100% Polyester nguyên sinh (100% Polyester Virgin)

Polyester PE là một loại sợi tổng hợp với thành phần cấu tạo đặc trưng là ethylene (nguồn gốc từ dầu mỏ). Quá trình hóa học tạo ra các polyester hoàn chỉnh được gọi là quá trình trùng hợp. Có bốn dạng sợi polyester cơ bản là sợi xơ, sợi tơ, sợi thô, và sợi bông.

Polyester được ứng dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, đồ nội thất gia dụng, vải công nghiệp, vật liệu cách điện... Sợi Polyester có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống là không hút ẩm, nhưng hấp thụ dầu. Chính những đặc tính này làm cho Polyester trở thành một loại vải hoàn hảo đối với những ứng dụng chống nước, chống bụi và chống cháy. Khả năng hấp thụ thấp của Polyester giúp nó tự chống lại các vết bẩn một cách tự nhiên. Vải Polyester không bị co khi giặt, chống nhăn và chống kéo giãn. Nó cũng dễ dàng được nhuộm màu và không bị hủy hoại bởi nấm mốc. Vải Polyester là vật liệu cách nhiệt hiệu quả, do đó nó được dùng để sản xuất gối, chăn và áo khoác ngoài.

Sợi màu 100% Polyester tái sinh (100% Recycled Polyester Dyed.)

Polyester màu tái sinh được sử dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, vớ "bít tất". Không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt, sợi Polyester tái sinh có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống cotton và Polyester nguyên sinh như rút ngắn công đoạn sau dệt, đảm bảo ưu thế giảm chi phí sản xuất, thân thiện với môi trường. Hiện nay sản phẩm sợi được sử dụng nhiều trong các sản phẩm dệt may và may mặc với tính cơ lý ngang bằng các sản phẩm may mặc truyền thống như sợi PE nguyên sinh, sợi cotton và sợi pha, đặc biệt là giá thành chế biến rẻ tăng lợi thế cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại.

Sợi 100% Cotton Chải thô, Chải kỹ và OE

Cotton là loại chất liệu được sử dụng phổ biến trong các trang phục hàng ngày bởi chúng mang lại cảm giác thoáng mát, dễ chịu cho người mặc. Từ thời xa xưa, sau khi trồng trọt xuất hiện, con người đã biết đến cách trồng bông. Những quả bông sau khi thu hái được kéo thành sợi bông (hay còn gọi là sợi Cotton) dùng để dệt vải.

Về ưu điểm, Cotton đem lại cảm giác thoáng mát, thoải mái cho người mặc bởi khả năng hút ẩm tốt, thấm mồ hôi cao. Về nhược điểm, chất liệu Cotton khá cứng, thường thích hợp với nam giới.

Các sản phẩm sợi của Fortex:



CD

(Sợi Cotton chải thô CD)

- Thành phần: 100% cotton chải thô
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi OE
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60



CM

(Sợi Cotton chải kỹ CM)

- Thành phần: 100% cotton chải kỹ
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi CD
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60



OE

(Sợi kết thúc mờ OE)

- Thành phần: 100% cotton
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ kéo sợi đóng mờ
- Yêu cầu: Sợi bông ngắn
- Chất lượng: Thấp hơn so với sợi CD và CM
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, chịu ma sát cao
- Sử dụng: Thường dùng sản xuất khăn, găng tay, vớ, đồ trang trí, hàng công nghiệp



PE Virgin
(Sợi 100% Polyester
nguyên sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester nguyên sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 50/1



PE Recycled Dyed
(Sợi 100% Polyester
màu tái sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester màu tái sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay.
- Sợi dệt không qua công đoạn tẩy nhuộm trước và sau công đoạn hoàn tất.
- Sợi dùng trong dệt kim và dệt kiếm
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 40/1



PE Recycled
(Sợi 100% Polyester
tái sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester tái sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay, đồ lót...
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí.
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 40/1



Địa bàn kinh doanh

Sau 2 năm cơ cấu lại sản xuất và định vị lại sản phẩm để đáp ứng đa dạng hóa dòng sản phẩm sợi, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, đón đầu cơ hội hội nhập, đặc biệt là sau khi Việt Nam ký kết thành công các hiệp định thương mại song phương và đa phương. Sản phẩm sợi Fortex hiện được khách hàng tin dùng và tiêu thụ tại các thị trường khó tính như Châu Mỹ và một số nước như Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka,...

Nhà máy sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật

Fortex có trụ sở chính tại Lô A3 - Khu Công Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiền Phong, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình và 03 nhà máy. 02 nhà máy tọa lạc tại Khu Công Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh và 01 nhà máy tại Khu Công Nghiệp Tiền Hải với 110.000 cọc sợi, tương đương công suất tối đa hàng năm khoảng 17.000 tấn.

Tại các nhà máy của Fortex hiện nay đều được trang bị dây chuyền thiết bị kéo sợi đồng bộ, hiện đại bao gồm: Hệ thống dây cung bông (Máy xé, máy trộn, máy lọc kim loại, máy lọc sơ ngoại lai), máy chải thô, máy ghép, máy cuộn cúi, máy chải kỹ, máy sợi thô, máy sợi con, máy đánh ống tự động, hệ thống điều không, thiết bị phòng thí nghiệm.

Máy móc của công ty chủ yếu nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật... Hệ thống kéo sợi của Fortex được cung cấp chủ yếu bởi RIETER – Thụy Sĩ, hãng cung cấp uy tín hàng đầu thế giới về thiết bị cho công nghệ kéo sợi.

Trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát từ USTER, nhà cung cấp hàng đầu thế giới về thiết bị đo lường – kiểm tra chất lượng các sản phẩm sợi – dệt.

Các nhà máy lớn thuộc sở hữu của Fortex



Fortex

hiện có 03 nhà máy với 101.400 cọc sợi,
tương đương công suất tối đa
khoảng 17.000 tấn/năm.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

*Máy Rieter G35: 1620*28*

*Máy Zinser 360: 1200*32*

*Máy Shanghai: 504*35*



NHÀ MÁY ĐỨC QUẬN 1

17.640 cọc sợi
Tổng công suất sản
xuất 3.300 tấn/năm
(Shanghai: 504*35)



NHÀ MÁY ĐỨC QUẬN 2

38.400 cọc sợi
công suất thiết kế tối
đa 6.200 tấn/năm.
(Zinser 360: 1200*32)



NHÀ MÁY ĐỨC QUẬN 5

45.360 cọc sợi tương
đương công suất
7.500 tấn/năm
Công nghệ đồng bộ
hiện đại bậc nhất
Đông Nam Á.
(Rieter G35: 1620*28)



Các sự kiện và thành tích nổi bật

Với những nỗ lực và đóng góp không ngừng trong quá trình hoạt động, Fortex vinh dự được đón nhận những danh hiệu nổi bật.



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế



Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng Bằng khen "Thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế"



UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"



Chứng chỉ bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ cho mặt hàng sợi các loại



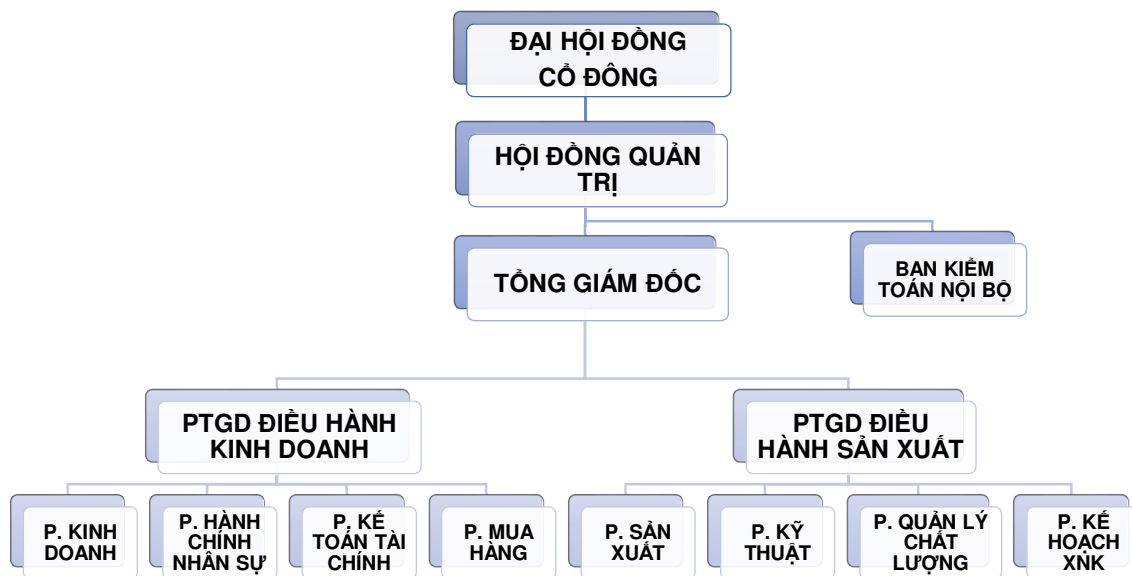
Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao cho sản phẩm sợi cotton, mặt hàng sợi các loại

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mới được chuyển đổi từ mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp từ ngày 25/06/2020.

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý (tính đến thời điểm 31/12/2020):



Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Không có

Công ty liên kết: Không có

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Mục tiêu hoạt động

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mục tiêu chủ yếu của Công ty là: “Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.”

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô và bối cảnh kinh doanh có nhiều điểm không thuận lợi và thách thức của năm 2020, Ban điều hành Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân luôn chủ động tìm kiếm cơ hội trong nguy cơ, tập trung trọng điểm vào nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng thị trường và duy trì mạng lưới khách hàng hiện hữu. Công ty tiếp tục duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội. Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2021 - 2030 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hàng năm từ 10% trở lên.

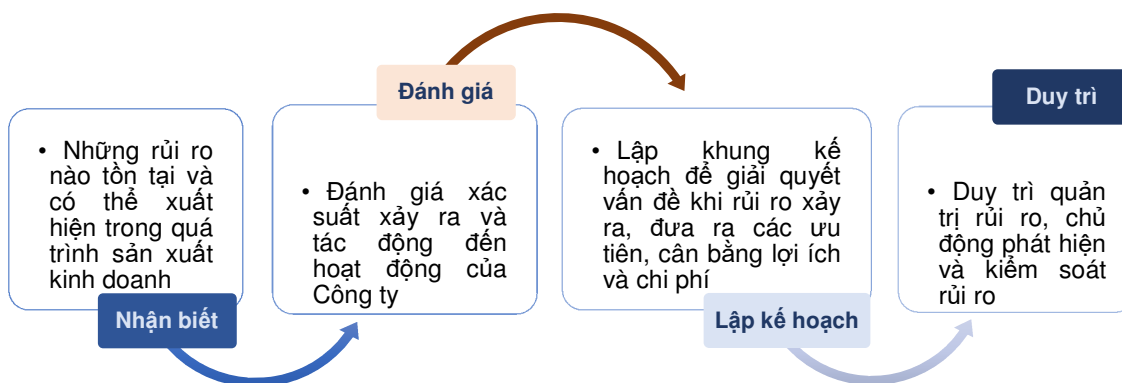
Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty mong muốn mang lại cho các đối tác và khách hàng những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất đồng thời hạn chế thấp nhất gây ô nhiễm môi trường.

Quản trị rủi ro

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh, hàng năm, Tổng Giám đốc chỉ đạo xem xét và phê duyệt khung quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty. Công ty đã xây dựng khung quản trị rủi ro, áp dụng quy trình nhận diện, phân tích, đo lường và đánh giá và tiếp cận các rủi ro có thể xảy ra, từ đó sẽ tìm kiếm và đưa ra các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất. Mục đích cuối cùng chính là giảm thiểu tổn thất xuống mức thấp nhất có thể. Đồng thời biến những bất lợi từ rủi ro thành cơ hội để dẫn đến thành công

Sơ đồ quy trình quản trị rủi ro



Các rủi ro Công ty gặp phải



Thang đo xác suất xảy ra

- 1 - Xác suất xảy ra bằng 0
- 2 - Xác suất xảy ra thấp
- 3 - Xác suất xảy ra trung bình
- 4 - Xác suất xảy ra lớn
- 5 - Xác suất xảy ra rất lớn

Thang đo tác động

- 1 - Không ảnh hưởng
- 2 - Ảnh hưởng nhỏ
- 3 - Ảnh hưởng bình thường
- 4 - Ảnh hưởng lớn
- 5 - Ảnh hưởng rất lớn



Bảng 1: Các nhân tố rủi ro

Nhận biết rủi ro	Đánh giá	Giải pháp
Rủi ro hệ thống	<p>Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may và do đó có thể ảnh hưởng tới khả năng bán hàng của doanh nghiệp.</p> <p>Tình hình dịch Covid – 19 trên toàn cầu đã có dấu hiệu qua đỉnh và thuyên giảm, đặc biệt Việt Nam đang làm rất tốt công tác phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh.</p> <p>Hơn nữa, doanh nghiệp cũng đã thích nghi với hoàn cảnh dịch bệnh năm 2020 và đã có những sự điều chỉnh cần thiết trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>Đánh giá: Xác suất: 4; Tác động: 3</p>	<p>Để đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu mục tiêu, Công ty tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới.</p> <p>Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành để giữ chân khách hàng thân thiết.</p> <p>Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt.</p>
Rủi ro cạnh tranh	<p>Fortex là một trong những nhà sản xuất sợi Cotton hàng đầu Việt Nam, năng lực sản xuất sợi lớn nhất miền Bắc. Hiện nay, các đối thủ cạnh tranh lớn của Fortex đang có xu hướng dịch chuyển</p>	<p>Với mô hình kinh doanh chú trọng vào cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiện đại, Công ty</p>

	<p>sang sản xuất phân khúc cao cấp hoặc sợi tái chế, từ đó có thể thấy tại thị trường sản xuất sợi Cotton, Fortex vẫn đang nắm lợi thế cạnh tranh lớn.</p> <p>Đánh giá: Xác suất: 2, Tác động: 2</p>	<p>tin tưởng sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.</p>
<p>Rủi ro lãi suất</p>	<p>Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Việc lãi suất cho vay biến động có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả HĐKD của Công ty. Tuy nhiên, năm 2020, Ngân hàng nhà nước Việt Nam thực hiện gói kích cầu bằng cách hạ lãi suất cho vay, giúp giảm bớt chi phí lãi vay của Công ty, đây là một tín hiệu cho sự hồi phục, chuyển biến tích cực năm 2021.</p> <p>Đánh giá: Xác suất: 1, Tác động: 1</p>	<p>Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, Công ty cần vốn lưu động lớn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phải luôn chủ động và nỗ lực trong việc tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ, ngoài việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty lựa chọn tổ chức tín dụng, tổ chức phi tín dụng có mức lãi suất cạnh tranh để huy động vốn nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty.</p>
<p>Rủi ro nguồn nhân lực</p>	<p>Ngành Dệt May là một trong những ngành thâm dụng lao động cao ở Việt Nam, do đó vấn đề nhân công rất được Công ty chú trọng quan tâm. Hiện nay, Việt Nam đã trải qua thời kì “dân số vàng” nên nguồn cung lao động cho Ngành Dệt May đang dần thiếu hụt trong tương lai. Thêm vào đó sự cạnh tranh lao động giá rẻ tại các quốc gia như Bangladesh, Campuchia... và các nhóm ngành công nghiệp chế tạo cũng đang thu hút lao động bằng các ưu đãi, môi trường làm việc tốt hơn. Vì vậy, rủi ro thiếu nguồn nhân lực trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.</p> <p>Đánh giá: Xác suất: 3, Tác động: 3</p>	<p>Để đảm bảo luôn đủ nguồn nhân lực, Công ty đã có những chính sách ưu đãi cho người lao động: điều chỉnh tăng mức lương các bậc, trong đó ưu tiên tăng lương cho lao động có tay nghề cao, tổ chức xét tăng lương định kỳ; áp dụng các chế độ thưởng về năng suất, chất lượng, chuyên cần, thưởng thành tích cuối năm; áp dụng các chế độ phụ cấp; phối hợp tốt với Công đoàn lao động thực hiện chăm lo cho đời sống tinh thần và vật chất của người lao động.</p>

		Song song với đó, Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.
Rủi ro pháp luật	<p>Sự thay đổi của các chính sách pháp luật về Thị trường chứng khoán, thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp.</p> <p>Đánh giá: Xác suất 2, Tác động: 2</p>	<p>Để đảm bảo tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã triển khai các quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động có nguy cơ phát sinh rủi ro pháp lý trong nội bộ. Từng phòng chức năng cũng thường xuyên được cập nhật các văn bản pháp luật mới, tập huấn các qui định pháp luật chuyên ngành liên quan chức năng của mình.</p>
Rủi ro môi trường	<p>Ngành sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau quá trình sản xuất kinh doanh là thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí: phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất,... ngày càng cao cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.</p> <p>Đánh giá: Xác suất: 4, Tác động: 3</p>	<p>Hiện tại, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và đang thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, các chi phí phát sinh cần thiết liên quan đến công tác bảo vệ môi trường được tính toán nằm trong kế hoạch chi phí của Công ty. Công ty đã có kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất hiện đại, hạn chế tối đa chất thải ra môi trường.</p>

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Nguyên nhân do tình hình dịch bệnh bùng phát Trung Quốc (thị trường xuất khẩu sợi lớn nhất của Việt Nam) khiến các nhà máy dệt tại Trung Quốc phải ngưng hoạt động từ đó giảm nhu cầu nhập khẩu sợi từ Việt Nam. Tình hình dịch bệnh kéo dài khiến nhu cầu dệt may toàn cầu sụt giảm, các doanh nghiệp sợi, trong đó có Fortex gián tiếp bị ảnh hưởng. Trong bối cảnh kinh tế trì trệ toàn cầu, Fortex đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng trong năm 2020. Cụ thể, doanh thu thuần trong năm 2020 của công ty chỉ đạt 81.302,75 triệu đồng, đạt 10,81% so với mức kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế âm 200.057,68 triệu đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách các thành viên Ban điều hành

Bảng 2: Thành viên Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0%
Ông Phạm Trường Giang	Phó TGD	0 cổ phần	0%
Ông Trần Xuân Tiến	Phó TGD	0 cổ phần	0%
Ông Đào Văn Nam	Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%



Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành

Giám đốc - Ông Đỗ Văn Sinh

Họ và tên : Đỗ Văn Sinh
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 31/03/1981
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
 Chức vụ công tác : Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

2004 – 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường
 2013 – 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân
 2017 – 2018: Trợ lý TGD - Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung
 12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân
 4/2019 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

Phó Tổng Giám đốc - Ông Phạm Trường Giang

Họ và tên : Phạm Trường Giang
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 13/04/1981
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán tài chính
 Chức vụ công tác : Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

2002– 2008: Nhân viên kế toán công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường
 2008– 2011: Trưởng phòng dự án—đầu tư công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường
 2011– 2013: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường
 2013– 2015: Giám đốc tài chính công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường
 2017– Nay: Tổng Giám Đốc công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường
 11/2019 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Phó Tổng Giám đốc - Trần Xuân Tiến

Họ và tên : Trần Xuân Tiến
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 19/10/1975
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện – Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác : Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

6/2007– 8/2010: nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
10/2019 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
8/2010 - 10/2019: Trưởng phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Kế toán trưởng - Ông Đào Văn Nam

Họ và tên : Đào Văn Nam
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 23/06/1990
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD - Cử nhân kế toán tài chính
Chức vụ công tác : Kế toán trưởng

Quá trình công tác

7/2018 – 12/2018: Nhân viên kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
12/2018 - 11/2019: Phó phòng kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
11/2019 - Nay: Kế toán trưởng công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2020, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân không có sự thay đổi trong ban điều hành.

Chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động trong công ty

Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm



Tính đến 31/12/2020: Công ty có 279 người lao động.

Số lượng lao động của Fortex giảm dần qua các năm do Công ty đã lựa chọn thay đổi hình thức trả lương từ việc trả lương theo thời gian sang giao khoán sản phẩm. Do vậy, Công ty có thể tinh gọn được số lượng người lao động từ đó tiết giảm được chi phí sản xuất.

Năm 2020 là một năm đầy biến động khi dịch Covid lan ra toàn cầu và có những tác động tiêu cực đến nền sản xuất nước nhà nói chung cũng như Fortex nói riêng, công ty đã áp dụng một vài thay đổi để thích nghi với nền kinh tế trì trệ 2020. Để giảm thiểu chi phí cũng như hạn chế ảnh hưởng của dịch Covid, công ty đã thu hẹp sản xuất, cắt giảm công suất nhà máy Đức Quân 2 và nhà máy Đức Quân 5, đồng thời cắt giảm 54% nhân công lao động. Dự kiến trong năm 2021, khi nền kinh tế phục hồi sau đại dịch Covid, Công ty sẽ mở rộng sản xuất trở lại và tuyển thêm lao động.

Cơ cấu lao động





Chính sách đối với người lao động

Nhân viên là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty luôn cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách an toàn lao động hiệu quả, chịu trách nhiệm cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Đồng thời xây dựng một môi trường làm việc công bằng, bình đẳng, cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đảm bảo về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty.

Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực và phù hợp với định hướng phát triển vào làm việc tại Công ty. Tùy vào từng vị trí tuyển dụng, Công ty đưa ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, cân bằng giữa tuyển dụng lao động trong nội bộ và bên ngoài Công ty.

Trong nội bộ: Đề bạt các vị trí quản lý, lãnh đạo: Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp, Trưởng phòng, phó phòng... đây là lực lượng lao động đã quen với công việc, hiểu biết rõ về công ty, trung thành với công ty. Thu hút lao động bên ngoài doanh nghiệp: Thông qua các phương tiện truyền thông, trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, thông báo tuyển dụng ở các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... công ty thu hút lao động ở các lĩnh vực: công nhân kỹ thuật, kỹ sư, cử nhân kinh tế, ngoại ngữ, kế toán, ... ưu tiên những cá nhân có kinh nghiệm làm việc.

Chính sách đào tạo

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Công ty rất quan tâm và coi trọng việc đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất. Các khóa học ngắn hạn bên ngoài và các khóa đào tạo nội bộ thường xuyên được tổ chức định kỳ mỗi năm cho tất cả công nhân viên Công ty.

Thông qua việc đào tạo, nhân viên sẽ được nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cùng các kỹ năng khác. Đồng thời, qua quá trình đào tạo, nhân viên cũng xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của chung Công ty.

Các khóa đào tạo của Công ty được thiết kế một cách hiệu quả dựa trên yêu cầu thực tiễn hoạt động của từng bộ phận chức năng, nhằm đảm bảo cho cán bộ nhân viên có thể áp dụng được tối đa những kỹ năng, kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc. Công ty tạo mọi điều kiện cho người lao động có cơ hội thăng tiến trong công việc, nhất là những người có tính cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, thu nhập của CBCNV đều được dựa trên kết quả thực hiện của mỗi thành viên, bao gồm thu nhập cơ bản, phụ cấp, thưởng theo hoàn thành nhiệm vụ, thưởng lương tháng 13... và có lộ trình tăng thu nhập theo vị trí. Ngoài ra, chính sách thưởng phạt được xử lý theo quy trình, áp dụng công khai, đảm bảo bình đẳng trong tập thể. Chính sách này đã tạo động lực cho CBCNV tận tâm với công việc, đồng thời không ngừng phát huy năng lực, nâng cao chất lượng hiệu quả công việc. Chế độ phúc lợi cho CBCNV được Công ty nghiêm túc thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, người lao động được đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex

STT	Khoản đầu tư tài chính/Dự án	Tình hình thực hiện
1	Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	<p>Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại khu công nghiệp khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749,78 triệu đồng. Việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm nên Công ty đang tạm ngừng hoạt động xây dựng nhà máy trên.</p> <p>Chi phí xây dựng cơ bản đã hực hiện: 63.712,6 triệu đồng.</p>
2	Khoản hợp tác đầu tư dự án bất động sản với Công ty Cổ phần Bất động sản New City	<p>Khoản hợp tác đầu tư giữa giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 m² để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019; Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công</p>

		ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000m ² hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.
--	--	--

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính năm 2020 của Công ty

Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2020 của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.597.492,32	1.490.033,74	-6,73%
Doanh thu thuần	999.919,66	81.302,75	-91,87%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-72.751,92	-108.680,41	49,38%
Lợi nhuận khác	-20.996,19	-91.215,10	-
Lợi nhuận trước thuế	-93.748,11	-199.895,51	-
Lợi nhuận sau thuế	-93.748,11	-200.057,68	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã Kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,0356	0,8787
-	Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,0175	0,8517
2	Cơ cấu vốn		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	71,03%	79,02%
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	245,23%	376,55%
3	Năng lực hoạt động		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,05
-	Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng TSNH	1,19	0,10
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	68,24	3,30
4	Khả năng sinh lời		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-9,38%	-246,07%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-5,87%	-13,43%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	-79,09%	-168,77%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần:	-7,28%	-133,67%
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VNĐ)	-1.875	-4.001

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã Kiểm toán)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 50.000.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông

Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2020

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Theo loại hình sở hữu				
1	CĐ nhà nước	0	0	0%
2	CĐ là tổ chức	3	54.500	0,109%
3	CĐ là cá nhân	1.319	49.945.500	99,891%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	4	24.404.250	48,808%
2	CĐ khác	1.318	25.595.750	51,192%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	1.318	49.934.800	99,87%
2	Cổ đông nước ngoài	4	65.200	0,13%
Tổng cộng		1.322	50.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2020, Công ty không có hoạt động tăng vốn.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2020, Công ty không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Hiện tại, không có loại chứng khoán khác ngoài cổ phần phổ thông của CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tiêu thụ năng lượng

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng nguồn năng lượng chính đến từ điện.

Trong quá trình vận hành nhà máy cũng như khối văn phòng, Công ty luôn chú trọng đến chiếu sáng môi trường làm việc, đồng thời sử dụng điện năng tiết kiệm, hiệu quả bằng cách:

- Kiểm soát tắt mở đèn theo thời gian làm việc, có các biện pháp phạt hợp lý cho những hành vi lãng phí điện, duy trì nhiệt độ điều hòa không khí ở chế độ hợp lý như 25 -26 độ C ban ngày.
- Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế vận hành các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn (như máy nghiền, máy nén khí...vào giờ cao điểm từ 17 giờ đến 20 giờ hàng ngày), không để các thiết bị điện hoạt động không tải.
- Đầu tư, cải tiến, thay thế dần các thiết bị cũ, lạc hậu, hiệu suất thấp bằng các thiết bị, công nghệ có hiệu suất cao và tiết kiệm điện;
- Lắp thêm các thiết bị đo đếm điện năng tại các bộ phận (tổ/đội/dây chuyền) sản xuất để kiểm soát lượng điện sử dụng, đồng thời giao trách nhiệm tiết kiệm điện cho các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện.
- Tuyên truyền sâu rộng tới toàn bộ CBCNV và người lao động về thực hành tiết kiệm điện, xem chi phí tiền điện là một trong những chỉ số trong chi phí đầu vào của doanh nghiệp, cần phải theo dõi thường xuyên và tiết kiệm tại tất cả các khâu trong sản xuất, kinh doanh.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước chính của Công ty đến từ nước máy.

Đối mặt với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng phức tạp như hiện nay, Công ty đề cao kiểm soát lượng nước sử dụng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, tận dụng tối đa những nguồn nước phát sinh như nước mưa tự thu thập, nước từ sông, hồ trong quá trình sản xuất, lắp các đồng hồ đo nước tại mỗi bộ phận và giao trách nhiệm tiết kiệm cho từng bộ phận thực hiện, kiểm tra và khắc phục rò rỉ hằng năm. Đối với khối văn phòng, chúng tôi đã thực hiện cài đặt dòng chảy nhỏ và vừa cho các thiết bị vòi vệ sinh, giảm sử dụng nước cho cảnh quan trang trí...

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng quy trình xả thải phù hợp với pháp luật và quy định về môi trường. Bên cạnh đó, Fortex luôn không ngừng tham khảo, cập nhật các quy định, chính sách, tuyên truyền về bảo vệ môi trường tới từng bộ phận, từng nhân viên, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nhân viên của Fortex được chia ca làm việc, mỗi ngày có 3 ca sáng – chiều – tối, sắp xếp linh hoạt để nhân viên công ty có khoảng nghỉ, đảm bảo sức khỏe lao động, có cung cấp miễn phí cơm trưa. Công ty cũng áp dụng đầy đủ chế độ nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản, chế độ bảo hiểm thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động làm việc xa, trả lương làm ngoài giờ và có thưởng thêm cho các nhân viên hoàn thành tốt công việc.

Về an toàn lao động, Công ty cấp phát đồ dùng bảo hộ đầy đủ cho nhân viên như mũ nón, găng tay... theo định kỳ. Ở nơi làm việc cũng trang bị đầy đủ thiết bị phòng chống cháy nổ, chập điện, nhân viên được đào tạo kiến thức về an toàn phòng cháy chữa cháy, luôn đề cao tinh thần cảnh giác. Cũng trong năm 2020, Fortex đã mở những khóa đào tạo nội bộ nâng cao tay nghề người lao động, đào tạo kỹ năng quản lý cho cấp quản lý nhà máy từ trưởng ca, quản đốc, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại 4.0.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng quan ngành dệt may năm 2020
2. Đánh giá kết quả tình hình sản xuất kinh doanh
3. Tình hình tài chính
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai
6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

TỔNG QUAN NGÀNH DỆT MAY NĂM 2020

Trải qua nhiều giai đoạn của nền kinh tế, ngành công nghiệp kéo sợi Việt Nam đã từng bước phát triển ổn định và trở thành một khâu đoạn quan trọng của ngành dệt may tại Việt Nam. Đặc biệt, với chính sách mở cửa nền kinh tế thông qua việc ký kết các hiệp định thương mại ngành kéo sợi sẽ thêm các cơ hội để phát triển mạnh mẽ hơn nữa.



Mặc dù chịu tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 nhưng ngành xuất khẩu dệt may và may mặc vẫn cho thấy những tín hiệu khả quan. Tính chung năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc của Việt Nam ước đạt 35,29 tỷ USD, giảm 10,91% so với năm 2019. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc của Việt Nam năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019, nhưng vẫn khả quan khi kết quả xuất khẩu chỉ giảm 10,9%, thấp hơn nhiều so với dự đoán giảm 15% trong các dự báo hồi tháng 6/2020.



Trong đó tình hình xuất khẩu một số mặt hàng cụ thể theo số liệu của Hiệp hội bông sợi Việt Nam (VCOSA) như sau:

- Xuất khẩu hàng xơ, sợi dệt tháng 12/2020 ước đạt 386 triệu USD tăng 4,65% so với tháng 11/2020 và tăng 3,25% so với tháng 12/2019. Lũy kế cả năm 2020, xuất khẩu mặt hàng này ước đạt 3,69 tỷ USD, giảm 11,43% so với năm 2019. Xuất khẩu mặt hàng này trong năm 2020 giảm 478 triệu USD so với năm 2019, bằng 11,05% phần kim ngạch xuất khẩu toàn ngành giảm.
- Xuất khẩu hàng may mặc trong tháng 12/2020 ước đạt 2,5 tỷ USD, tăng 11,55% so với tháng 11/2020 và giảm 15,63% so với tháng 12/2019. Tính chung cả năm 2020, xuất khẩu hàng may mặc ước đạt 29,47 tỷ USD, giảm 10,22% so với năm 2019. Phần kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc giảm chiếm 77,61% trong tổng kim ngạch giảm của toàn ngành.
- Xuất khẩu vải kỹ thuật của Việt Nam năm 2020 ước đạt 447 triệu USD, giảm 24,1% so với năm 2019.
- Xuất khẩu nguyên phụ liệu dệt may ước đạt 1,66 tỷ USD, giảm 17,28% so với năm 2019.

Sang năm 2021, xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Các chuyên gia vẫn đưa ra dự báo triển vọng xuất khẩu của ngành vẫn ở mức khả quan. Một số căn cứ để đưa ra nhận định kể trên bao gồm:

- Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam chiếm trên 20% thị phần hàng may mặc vào Mỹ mặc dù tổng giá trị xuất khẩu may mặc trong nửa đầu năm 2020 vẫn chưa đạt mức của năm 2019. Nguyên nhân chính là do các nhãn hàng may mặc đã và đang chuyển đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam nhằm tránh ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.



- Đối với thị trường Châu Âu, Việt Nam đang chiếm 4% thị phần. Tuy nhiên, hiệp định EVFTA có hiệu lực ngày 01/08/2020, dự báo xuất khẩu dệt may sẽ tăng 67% vào năm 2025. Các doanh nghiệp đã đưa ra kế hoạch mang tính chiến lược để đáp ứng được cơ hội phát triển của ngành. Có

tới 55,7% doanh nghiệp trong ngành dệt, may và xuất khẩu đã đưa ra kế hoạch tự động hóa, 49,8% sẽ phát triển sản phẩm mới, 39,9% sẽ đa dạng hóa sản phẩm và 41,5% sẽ đầu tư nâng cao kỹ năng lao động.

- Thời điểm bùng phát dịch Covid-19, Trung Quốc không chỉ giảm tổng sản lượng xuất khẩu mà mức giá cũng được giảm sâu. Trong khi đó, hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là hàng đặc thù dẫn tới giá trị được duy trì và cơ hội mở rộng thị phần tại thị trường Mỹ ngày càng lớn.

Do vậy, cơ hội mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành may mặc xuất khẩu trong dài hạn vẫn là rất lớn. Với những nỗ lực vượt khó trong năm 2020, kỳ vọng các doanh nghiệp ngành dệt may tại Việt Nam nói chung và Fortex nói riêng sẽ tiếp tục có những bước phát triển trong thời gian tới.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2020 là một năm đầy biến động, khó khăn và đặc biệt là sự bùng phát, lây lan chưa rõ hồi kết của đại dịch Covid-19 đã và đang làm trầm trọng thêm xu hướng suy thoái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế xã hội, tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhận thức được các khó khăn nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Fortex đã chủ động lên các phương án vận hành, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh một cách cụ thể, chi tiết, tăng cường tiết kiệm các hạng mục chi phí chưa cần thiết để có những điều chỉnh kịp thời, một số kết quả sản xuất kinh doanh đạt được như sau:

Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
A	B	C	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Sản lượng	Tấn	15.842	2.072	13,08%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	798,6	81,3	10,18%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,6	(199,8)	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,48	(200)	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc không hoàn thành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020 tình hình kinh tế trong nước lẫn quốc tế gặp nhiều bất ổn, GDP của Việt Nam chỉ tăng ở mức 2,91% so với kế hoạch là 6,8%, tổng cầu dệt may thế giới giảm 25% dẫn tới kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may ước đạt 35,27 tỷ usd, giảm 9,29% so với năm 2019,... Tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid tới toàn ngành dệt may đã tác động ngược lên thị trường ngành sỡ. Nhiều đơn hàng của công ty đề nghị bị giãn, hoãn hoặc hủy, trong khi đó giá bán sụt giảm từ 20%-25% khiến doanh thu của công ty chỉ đạt 10,8% kế hoạch đã đề ra. Như nhiều doanh nghiệp cùng ngành trong nước, công ty phải chủ động cắt giảm lao động, tạm dừng hoạt động 2 nhà máy lớn nhất để duy trì chi phí vận hành ở mức thấp nhất.

Khoản lỗ phát sinh chủ yếu là các chi phí cố định như khấu hao, các chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, lãi vay dài hạn. Việc dừng hoạt động 2 nhà máy khiến doanh thu sụt giảm mạnh, trong khi các chi phí cố định như khấu hao, chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, lãi vay dài hạn không có nguồn thu hồi khiến phát sinh các khoản lỗ lớn.

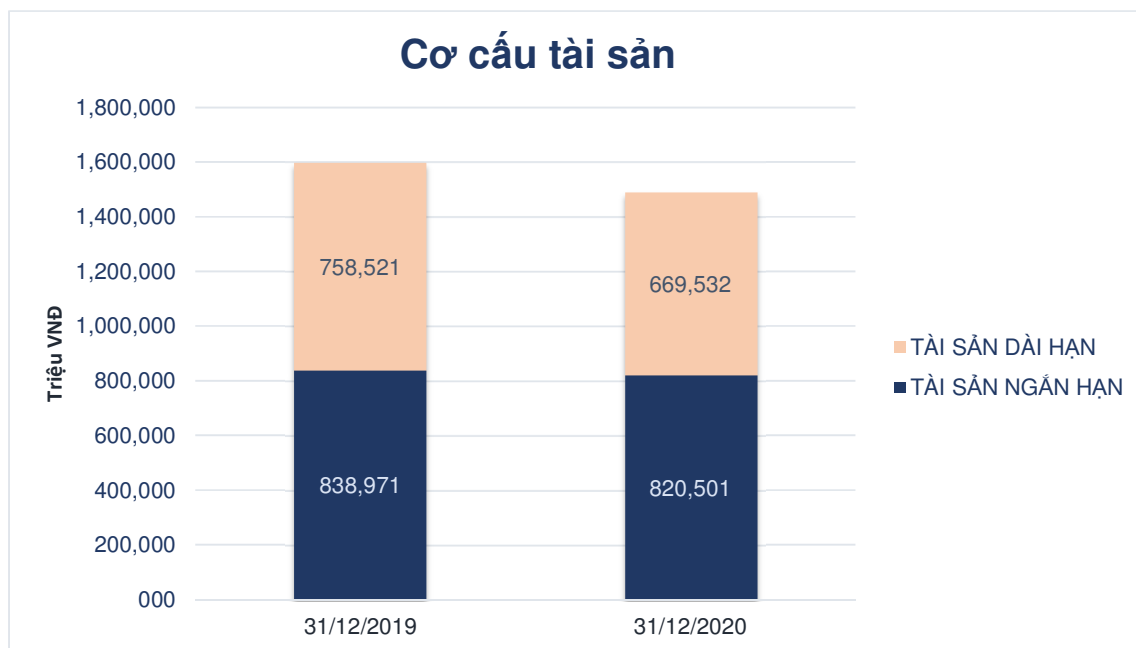
Tác động tiêu cực của thị trường đã ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty, dẫn đến phát sinh các khoản nợ vay và lãi ngân hàng quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, hiện tại công ty đang tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giảm bớt những khó khăn do tác động mạnh của thị trường và cơ cấu lại nợ vay. Cho đến thời điểm hiện tại, công ty vẫn đang áp dụng các biện pháp tích cực cải thiện tình hình kinh doanh, đến nay vẫn duy trì sản xuất kinh doanh bình thường. Đồng thời, công ty cũng đã và đang tìm kiếm thêm các nguồn tài trợ vốn khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

Nhằm cải tiến bộ máy quản trị của công ty theo mô hình quản trị công ty hiện đại trên thế giới. Fortex là một trong những công ty niêm yết đi đầu trong việc áp dụng mô hình quản trị theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản



Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty đạt: 1.490 tỷ đồng giảm 107 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019 tương ứng với tỷ lệ giảm là 6,73%.

Tài sản ngắn hạn năm 2020 giảm 18,47 tỷ đồng giảm 2,2% so với năm 2019 đạt giá trị 820,5 tỷ đồng, chiếm 55,07% giá trị tổng tài sản. Nguyên nhân sụt giảm chính là do giảm khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền (giảm 18,83 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 87,54%). Các khoản phải thu giảm 16,59 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 2,05% cũng là một phần nguyên nhân dẫn tới tài sản ngắn hạn của Công ty bị sụt giảm.

Tài sản dài hạn năm 2020 giảm gần 89 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 11,73% so với cùng kỳ năm 2019. Cụ thể, tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty là 669,53 tỷ đồng chiếm 44,93% tổng tài sản của công ty. Nguyên nhân giảm tài sản là do khấu hao tài sản cố định và sụt giảm trong tài sản dài hạn khác.

Bảng 9: Cơ cấu Tài sản Doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	Biến động 2020 so với 2019 (%)
1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	838.970,95	820.501,40	-2,20%
1.1	Tiền và tương đương tiền	12.371,16	1.541,09	-87,54%
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	220,00	220,00	0,00%
1.3	Các khoản phải thu	809.539,81	792.945,13	-2,05%
1.5	Hàng tồn kho, ròng	14.651,45	25.238,44	72,26%
1.6	Tài sản ngắn hạn khác	2.188,53	556,74	-74,56%
2	TÀI SẢN DÀI HẠN	758.521,37	669.532,34	-11,73%
2.1	Phải thu dài hạn	104.391,78	107.138,17	2,63%
2.2	Tài sản cố định	549.751,96	469.366,61	-14,62%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	62.086,27	64.263,39	3,51%
2.4	Đầu tư tài chính dài hạn	240,00	240,00	0,00%
2.5	Tài sản dài hạn khác	42.051,36	28.524,17	-32,17%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.597.492,32	1.490.033,74	-6,73%

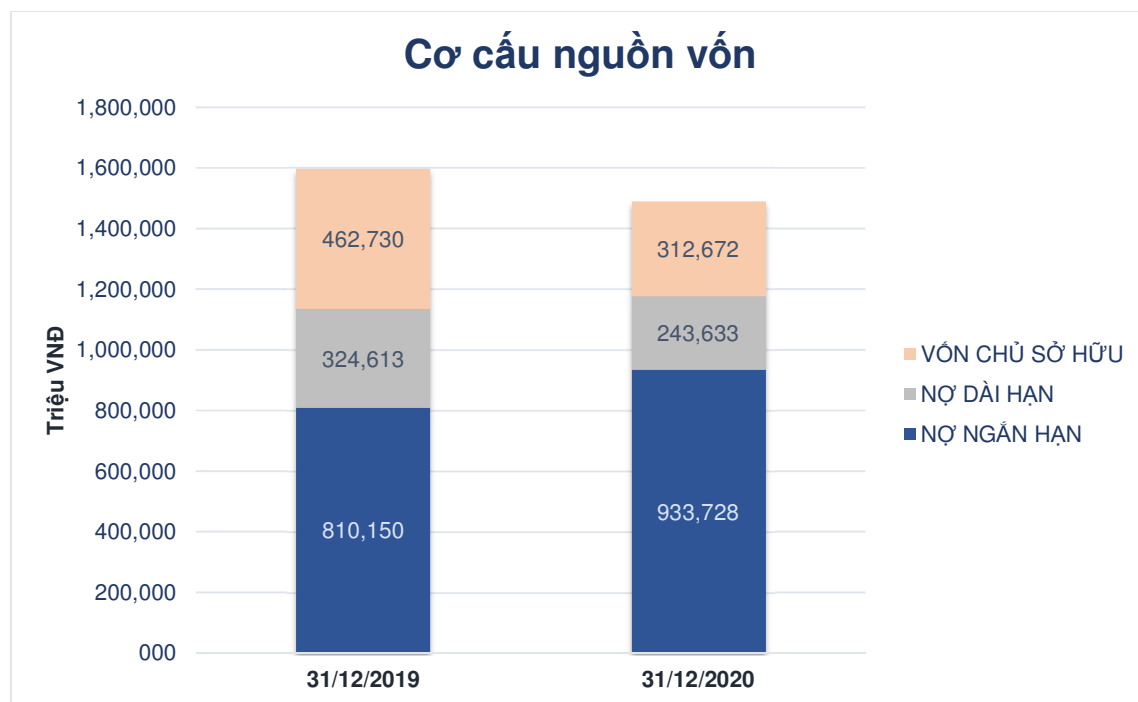
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Giải trình về các khoản công nợ phải thu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020, Công ty xuất hiện khoản công nợ phải thu khó đòi với số tiền là 22.754.578.562 đồng. Khoản phải thu này chưa được trích lập dự phòng, Ban Tổng Giám đốc đánh giá như sau:

Các đối tác của công ty cũng đang gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn kinh doanh vừa qua, công ty đã liên tục đối chiếu công nợ và làm việc trực tiếp với ban lãnh đạo của đối tác. Dự kiến công ty sẽ thu hồi được khoản công nợ khó đòi này trong 6 tháng đầu năm 2021.

Tình hình nguồn vốn và nợ phải trả



Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2020 đạt 1.177,4 tỷ đồng, tăng 42,6 tỷ so với thời điểm năm 2019.

Nợ ngắn hạn năm 2020 đạt 933,7 tỷ đồng, tăng 15,25% so với năm 2019 đạt giá trị 810,1 tỷ đồng, chiếm 79,3% giá trị tổng nợ phải trả.

Nguyên nhân tăng chính là do tăng khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn (tăng 112,2 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 73,1%); tăng khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tăng 96,13 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng 18,39%).

Nợ dài hạn năm 2020 giảm gần 80,98 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 24,95% so với cùng kỳ năm 2019. Cụ thể, nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty là 243,6 tỷ đồng chiếm 20,7% tổng nợ phải trả của công ty. Nguyên nhân giảm tài sản là do Công ty chủ trương giảm vay nợ thuê tài chính dài hạn và chi phí phải trả dài hạn.

Về cơ cấu nợ - vốn chủ sở hữu, năm 2020, tổng nợ phải trả tăng thêm 3,75%, đồng thời vốn chủ sở hữu giảm 32,43% so với năm 2019 do lỗ lũy kế, do đó cơ cấu nợ - vốn CSH đã thay đổi rõ rệt, từ 2,45 lần tăng đến 3,76 lần.

Bảng 10: Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	Biến động 2020 so với 2019 (%)
1	NỢ NGẮN HẠN	810.149,53	933.728,13	15,25%
1.1	Phải trả người bán ngắn hạn	65.443,27	27.375,02	-58,17%
1.2	Người mua trả tiền trước	2.351,56	1.572,93	-33,11%
1.3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	213,12	1.412,91	562,96%
1.4	Phải trả người lao động	3.140,96	2.529,98	-19,45%
1.5	Chi phí phải trả ngắn hạn	153.442,29	265.614,28	73,10%
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	62.603,13	16.133,98	-74,23%
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	522.720,29	618.854,12	18,39%
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	234,91	234,91	0,00%
2	NỢ DÀI HẠN	324.612,72	243.633,24	-24,95%
2.1	Chi phí phải trả dài hạn	74.621,02	54.041,02	-27,58%
2.2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	249.991,70	189.592,22	-24,16%
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1.134.762,25	1.177.361,37	3,75%
	VỐN CHỦ SỞ HỮU	462.730,03	312.672,36	-32,43%
	TỔNG NGUỒN VỐN	1.597.492,28	1.490.033,73	-6,73%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Các Khoản cho vay và hợp tác đầu tư

Các dự án liên quan tới hợp đồng hợp tác đầu tư là dự án dài hạn, việc triển khai tiến hành từng bước nên đẩy nhanh tiến độ nhất là trong giai đoạn kinh tế khó khăn như hiện nay là không dễ dàng. Ban lãnh đạo Công ty đánh giá các dự án liên quan đến các khoản hợp đồng hợp tác đầu tư là các dự án bất động sản tiềm năng, có quy mô, vẫn đang được triển khai và có diễn biến tích cực.

Đối với các khoản cho vay, các bên cho vay vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và cam kết trả gốc lãi đầy đủ theo hợp đồng vay.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Vào ngày 25/06/2020, HĐQT thông qua việc thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán) trực thuộc Hội đồng quản trị, bỏ Ban kiểm soát ra khỏi cơ cấu tổ chức, định hướng mô hình quản trị công ty theo hướng tiệm cận quốc tế. Theo đánh giá của tổ chức quốc tế, mô hình Ban kiểm soát tại các Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có nhiều tác dụng. Lí do là Ban kiểm soát không đảm bảo được tính độc lập khi nêu ra ý kiến cũng như bản thân các ông chủ doanh nghiệp không nhận thức được việc cần phải có một tiếng nói độc lập trong HĐQT để giám sát rủi ro của công ty. Công ty quyết định triển khai mô hình Ủy ban kiểm toán sẽ được giám sát chặt chẽ hơn về quản trị rủi ro, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Để khắc phục những tồn đọng, yếu kém trong sản xuất và hoạt động của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra một số giải pháp cho năm 2021 như sau:

Giải pháp về sản xuất

Công ty tiến hành đầu tư để chuyển đổi sản xuất đa dạng hóa các loại sản phẩm nhằm giảm sự phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu nói chung và Trung Quốc nói riêng. Cụ thể:

- Nhà máy 1: Sản xuất 100% sợi PE
- Nhà máy 2: Sản xuất sợi màu, đây là loại sợi có ưu thế không cần qua nhuộm, một loại sợi mới, ít nhà sản xuất nên công ty kỳ vọng sẽ là sản phẩm đột phá, có tính cạnh tranh cao.
- Nhà máy 5: Sản xuất sợi cotton.

Công ty đặt kế hoạch tới tháng 6/2021 sẽ phục hồi 100% công suất cả 3 nhà máy. Cụ thể:

- Nhà máy 1 đã phục hồi và duy trì hoạt động từ đầu năm 2020 tới hiện tại.
- Nhà máy 2 đã vận hành được 50% công suất, dự kiến vận hành 100% công suất trong tháng 04/2021.
- Nhà máy 5 vận hành được 20% công suất từ đầu tháng 03 năm 2021, dự kiến tới tháng 06/2021 sẽ đạt 100% công suất.

Giải pháp công tác thị trường:

- Xây dựng giải pháp động bộ với tiêu chí khách hàng là trung tâm, nâng cao ổn định chất lượng sợi;
- Phát triển thị trường nội địa, coi thị trường nội địa là 1 trong những thị trường quan trọng mà công ty đã bỏ ngỏ trong thời gian qua. Hiện tại thị trường sợi PE của công ty có độ phủ rộng từ miền Bắc, miền Trung, miền Nam, công suất của nhà máy 1 của công ty hiện không đủ đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Xây dựng kế hoạch marketing, quảng bá và xây dựng thương hiệu cho sợi màu, phát triển thị trường và đưa sợi màu vào sản phẩm chiến lược, đẩy mạnh việc sản xuất sợi màu sang các thị trường Ấn Độ, Morocco, Hàn Quốc, Thái Lan để gia tăng tỷ trọng doanh thu.
- Linh động phương thức và điều kiện thanh toán nhằm thúc đẩy bán hàng.
- Tăng cường công tác Marketing, phát triển thị trường, đặc biệt thị trường xuất khẩu.
- Tích cực dự báo biến động giá (bông, sợi, xơ) thị trường để chủ động trong việc xây dựng và phát triển thị trường.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Về khoản lỗ phát sinh, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh gián đoạn âm trên báo cáo tài chính và nợ vay và lãi quá hạn ngân hàng

Dịch bệnh Covid đầu năm 2020 và bùng phát mạnh trên toàn cầu từ cuối quý 1/2020, đặc biệt là tại Châu Âu, Mỹ, Châu Mỹ, Châu Á khiến nhu cầu nhập hàng từ các thị trường này sụt giảm đột ngột, đồng thời cắt đứt nguồn cầu của toàn ngành dệt may. Cùng với đó là việc các nước áp dụng các biện pháp phong tỏa và cách ly xã hội khiến việc thông thương gặp nhiều khó khăn.

Tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid tới toàn ngành dệt may đã tác động ngược lên thị trường ngành sợi. Nhiều đơn hàng của công ty bị đề nghị giãn, hoãn hoặc hủy, trong khi đó giá bán sụt giảm từ 20%-25% khiến doanh thu của công ty chỉ còn bằng 8% so với năm 2019. Như nhiều doanh nghiệp cùng ngành trong nước, công ty phải chủ động giảm bớt lao động, tạm dừng hoạt động 2 nhà máy lớn nhất để duy trì chi phí vận hành ở mức thấp nhất.

Khoản lỗ phát sinh chủ yếu là các chi phí cố định như khấu hao, các chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, lãi vay dài hạn. Việc dừng hoạt động 2 nhà máy khiến doanh thu sụt giảm mạnh, trong khi các chi phí cố định như khấu hao, chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, lãi vay dài hạn không có nguồn thu hồi khiến phát sinh khoản lỗ trên.

Tác động tiêu cực của thị trường như đã đề cập ở trên đã ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty, dẫn đến phát sinh các khoản nợ vay và lãi ngân hàng quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, hiện tại công ty đang tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giảm bớt những khó khăn do tác động mạnh của thị trường và cơ cấu lại nợ vay. Cho đến thời điểm hiện tại, công ty đang áp dụng các biện pháp tích cực cải thiện tình hình kinh doanh, đến nay vẫn duy trì sản xuất và hoạt động bình thường. Đồng thời, công ty cũng đã và đang tìm kiếm thêm các nguồn tài trợ vốn khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Về ý kiến các khoản công nợ phải thu khó đòi

Các đối tác của công ty cũng đang gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn kinh doanh vừa qua, công ty đã liên tục đối chiếu công nợ và làm việc trực tiếp với ban lãnh đạo của đối tác. Dự kiến công ty sẽ thu hồi được khoản công nợ khó đòi này trong 6 tháng đầu năm 2021.

Các khoản cho vay và các khoản hợp tác đầu tư

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, chúng tôi đã cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan tới các khoản hợp tác đầu tư, các khoản cho vay ngắn hạn, dài hạn bao gồm hợp đồng, phụ lục hợp đồng, các hồ sơ liên quan khác. Các dự án liên quan tới hợp đồng hợp tác đầu tư là dự án dài hạn, việc triển khai cần tiến hành từng bước nên việc đẩy nhanh tiến độ nhất là trong giai đoạn kinh tế khó khăn như hiện nay là không dễ dàng. Việc giới hạn phạm vi kiểm toán nên kiểm toán chưa thể đánh giá chắc chắn về tính hiệu quả của các khoản đầu tư và cho vay nên đưa ra ý kiến nhấn mạnh.

Công ty đánh giá các dự án liên quan các khoản hợp tác đầu tư là các dự án bất động sản tiềm năng, có quy mô, vẫn đang được triển khai và có diễn biến tích cực. Đối với các khoản cho vay, các bên cho vay vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và cam kết trả gốc lãi đầy đủ theo hợp đồng vay.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2021

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù bối cảnh chung còn nhiều khó khăn, thách thức, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty đã cố gắng duy trì các hoạt động sản xuất, tìm cách tái cơ cấu công ty. Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Công ty để thực hiện, kiểm tra, giám sát; đồng thời hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách khẩn trương, hiệu quả. Năm 2020 là năm khó khăn chung của ngành sợi thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng: Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, bão lụt diễn ra trong tháng 10-11/2020 tại các tỉnh miền Trung dẫn tới cầu trong ngành may mặc đã giảm đáng kể. Nhiều đơn hàng của công ty đã bị đề nghị giãn, hoãn hoặc thậm chí là hủy. Đồng thời, giá thành các sản phẩm sợi đã giảm từ 20%-25% khiến doanh thu của công ty đã sụt giảm trầm trọng so với năm 2019 và không đạt được kế hoạch ĐHĐCĐ 2020 đã đề ra. Hiện tại công ty đã phát sinh khoản lỗ lớn chủ yếu do các chi phí cố định như chi phí khấu hao, chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ

Trong thời gian tới, HĐQT sẽ phối hợp chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện phục hồi sản xuất với mục tiêu sẽ phục hồi 100% công suất cả 3 nhà máy vào tháng 6/2021, trong đó: Nhà máy 1 đã phục hồi và vẫn đang duy trì hoạt động. Nhà máy 2 đã vận hành được 50% công suất, dự kiến vận hành 100% công suất trong tháng 4/2021. Nhà máy 5 vận hành được 20% công suất từ đầu tháng 03/2021, dự kiến tới tháng 06 sẽ đạt 100% công suất.

Công tác quản trị công ty

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty đã hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ, rà soát cơ cấu tổ chức và nhân sự. Năm 2020, Fortex đã miễn nhiệm thành viên HĐQT là Bà Trần Thị Mỹ Châu từ ngày 10/06/2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 70/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020.

Ngày 17/06/2020, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Ngày 26/11/2019, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam đã ban hành Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 thay thế cho Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010. Do đó, HĐQT đang tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán nội bộ phù hợp với những thay đổi của pháp luật và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Công tác quản lý, giám sát tài chính

Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa và thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành. Hiện tại công ty còn tồn tại những khoản công nợ khó đòi chưa được trích lập dự phòng. Tuy nhiên, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc lên kế hoạch thu hồi với mục tiêu sẽ thu hồi được toàn bộ khoản công nợ này trong tháng 06/2021.

Các khoản cho vay và các khoản hợp tác đầu tư vẫn nằm trong diện kiểm soát. Các đơn vị nhận khoản vay của Fortex vẫn đang hoạt động sản xuất bình thường và cam kết trả đủ gốc và lãi vay cho Công ty. Các khoản hợp tác đầu tư là các dự án bất động sản có tiềm năng và khả năng thu lợi nhuận trong tương lai.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Mặc dù trải qua 01 năm khó khăn do đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế, HĐQT vẫn đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng của Ban Giám đốc trong việc cố gắng duy trì sản xuất, đảm bảo hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc luôn kịp thời tiếp thu, triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Công tác quản trị tài chính được thực hiện minh bạch, nghiêm túc và kịp thời. Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành đôn đốc, tích cực thu hồi các khoản công nợ khó đòi, kỳ vọng sẽ thu hồi các khoản công nợ này trong vòng 06 tháng đầu năm 2021.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn có sự nhất trí cao, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các công việc một cách quyết liệt, đúng đắn, đưa ra các giải pháp phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh và suy thoái kinh tế. Hội đồng quản trị đánh giá cao và trân trọng những cố gắng của Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực gấn bó, chỉ đạo với quyết tâm cao trong hoạt động SXKD nhằm duy trì hoạt động sản xuất của công ty và bảo vệ lợi ích của các cổ đông cũng như người lao động.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Căn cứ các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty và diễn biến thực tế trên thị trường, Hội đồng quản trị đã thảo luận và đưa ra kế hoạch hoạt động như sau:

- Phê duyệt chi tiết và giám sát, chỉ đạo Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua kịp thời, an toàn và hiệu quả.
- Lên kế hoạch và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thành công.
- Chỉ đạo điều hành SXKD của Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tăng cường đôn đốc, giám sát để đưa các nhà máy vận hành 100% công suất trở lại.
- Chỉ đạo, theo dõi tình hình thu hồi các khoản công nợ của Công ty, đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo củng cố, tăng cường cơ cấu đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường sợi, thương mại ngày càng chuyên nghiệp hơn.
- Tiến hành đầu tư để chuyển đổi sản xuất đa dạng hóa các loại sản phẩm nhằm giảm sự phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu nói chung và Trung Quốc nói riêng.
- Tìm nguồn cung cấp nguyên vật liệu phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát, sửa đổi và trình ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

QUẢN TRỊ CÔNG TY – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
2. Sơ yếu lý lịch
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị
4. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	5.100.000	10,2%
2.	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	0	0
3.	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%
4.	Nguyễn An Toàn	Thành viên độc lập HĐQT	20.000	0,04%
5.	Lê Thùy Anh	Thành viên HĐQT	10.766.500	21,53%
6.	Trần Thị Mỹ Châu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/06/2020)	0	0%
7.	Nguyễn Thị Lưu	Thành viên HĐQT	10.000	0,02%
8.	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0%
9.	Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT – ÔNG : LÊ MẠNH THƯỜNG

Năm sinh	: 1975	Quá trình công tác:
Quốc tịch	: Việt Nam	2006 – 2013: Chủ tịch HĐQT CTCP Vinaland
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	2006 – 2016: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Long Hậu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chiếu sáng công cộng TP. Hồ Chí Minh Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung Chủ tịch HĐQT CTCP Trường Mạnh Holding Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty Bất động sản Đại Cường	2013 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân 2017 – nay: <ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch Công ty Truman Holdings Việt Nam- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Long Hậu- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Chiếu sáng công cộng TP. Hồ Chí Minh- Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung- Chủ tịch HĐQT Công ty Bất động sản Đại Cường.

Thành viên HĐQT - ÔNG ĐỖ VĂN SINH

Năm sinh	: 1980	Quá trình công tác:
Quốc tịch	: Việt Nam	2004 - 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh	2013 - 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: TV HĐQT CTCP XNK thủy sản Miền Trung	2017 - 2018: Trợ lý TGĐ , Phó Giám Đốc Ki CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản miền trung 12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân 4/2019 - Nay: Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - Bà : ĐỖ THỊ BÍCH VÂN

Năm sinh : 1989
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :
2019 - Nay: TV HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG

Năm sinh : 1980
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : TV HĐQT tại công ty cổ phần Fideco
Trưởng BKS CTCP Dược Danapha.
Trưởng BKS CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:
10/2002 - 6/2007: Trưởng bộ phận chế độ tài chính kế toán tổng hợp - phòng tài chính kế toán - Bưu điện Hà Nội
7/2007 - 2/2010: Phó phòng tư vấn CTCP Chứng khoán Bảo Việt
2/2008 - 4/2010: TV Ban kiểm soát CTCP Khoáng sản Bắc Kạn
3/2010 - 2/2012: PGĐ chi nhánh Hà Nội, PGĐ Ngân hàng đầu tư, GE khối tư vấn TCDN, CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn thương tín
4/2010 - 6/2012: TV HĐQT CTCP Thép Đình Vũ
3/2012 - 1/2013: Giám đốc tư vấn CTCP Bamboo Capital
3/2012 - 4/2013: TV Ban kiểm soát CTCP bảo hiểm AAA
02/2013 - 6/2013: Trưởng phòng tư vấn CTCP chứng khoán quốc gia
10/2015 – 03/2017: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP XNK Thủy Sản Miền Trung.
10/2015 - Nay: TV HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
06/2020- nay: Trưởng BKS Công ty cổ phần XNK y tế Thành phố Hồ Chí Minh.
8/2018 – 09/2020: Phó tổng giám đốc Công ty cp chứng khoán quốc gia.
05/2016 – 04/2021: Trưởng ban kiểm toán Công ty cổ phần Dược Danapha.

Thành viên HĐQT – BÀ NGUYỄN THỊ LƯU

Năm sinh : 1986
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dệt
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Quá trình công tác:
2007 - 2011: Nhân viên thống kê CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
2011 - 2012: Phó Quản Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
2012 - Nay: Trưởng phòng kế hoạch CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
2016 - 2019: TV BKS CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
T6/2019 - Nay: TV HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT – BÀ LÊ THÙY ANH

Năm sinh : 1992
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Quá trình công tác
2017 - 4/2019: Nhân viên kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
4/2019 - Nay: Giám Đốc Kinh Doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN

Năm sinh : 1967
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch CTCP Tư vấn Sao Việt

Quá trình công tác:
1989 - 1990: Nhân viên tại công ty XNK Tạp phẩm TP HCM
1993 - 2000: VPĐD công ty Murubeni tại TP HCM
2010 - 2015: Phó chủ tịch Hiệp hội bông sợi Việt Nam
2017 - Nay: TV HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN AN TOÀN

Năm sinh	: 1965	Quá trình công tác:
Quốc tịch	: Việt Nam	1987 - 1996: Công ty Dệt may Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư công nghệ Dệt may	1997 - 1997: Kỹ sư bán hàng công ty Shiberhegner Thụy Sĩ
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Chủ tịch hiệp hội bông sợi Việt Nam	1997 - 1999: Giám sát bán hàng công ty Shell Gas Hải Phòng Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Tổng Giám Đốc công ty CP đầu tư Newcity Đà Nẵng
		1999 - 2010: Chuyên viên ngành sợi —Tập đoàn dệt may Việt Nam
		2010 - 2015: Phó TGD công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
		2015 - 2017: Phó TGD công ty ĐT&PT Phú Việt, TV HĐQT CTCP Long Hậu
		2017 - Nay: TV HĐQT Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp

Bảng 12: Các cuộc họp của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1.	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
2.	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	6/6	100%	
3.	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	6/6	100%	
4.	Nguyễn An Toàn	Thành viên độc lập HĐQT	6/6	100%	
5.	Lê Thùy Anh	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
6.	Trần Thị Mỹ Châu	Thành viên HĐQT	3/6	50%	Xin từ nhiệm ngày 10/06/2020
7.	Nguyễn Thị Lưu	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
8.	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	6/6	100%	
9.	Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên độc lập HĐQT	6/6	100%	

Trong năm 2020, HĐQT đã thông qua 8 nghị quyết

Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	23/2020/NQ -FTM- HĐQT	28/03/2020	Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	100%
2	24/2020/NQ -FTM- HĐQT	28/03/2020	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 không trễ hơn ngày 30/06/2020 tuân theo khoản 2 điều 136 luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	100%
3	44/2020/NQ -FTM- HĐQT	11/05/2020	Thống nhất thời gian chốt danh sách thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
4	57/2020/NQ -FTM- HĐQT	10/06/2020	Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 và thông qua nội dung, chương trình, tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020	100%
5	73/2020/NQ -FTM- HĐQT	25/06/2020	Thông qua việc thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán) trực thuộc Hội đồng quản trị	100%
6	74/2020/NQ -FTM- HĐQT	25/06/2020	Thông qua việc lựa chọn đơn vị Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	100%
7	92/2020/NQ -FTM- HĐQT	13/08/2020	Thông qua BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế là đơn vị kiểm toán	100%
8	130/2020/N Q-FTM- HĐQT	25/12/2020	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và Quy chế kiểm toán nội bộ	100%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 25/06/2020, Hội đồng quản trị ra Quyết định thành lập tiểu ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán). Sau thời gian thành lập, Ủy ban kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã đề ra.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị công ty nói chung cũng như Ban giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Giám sát hoạt động quản trị và điều hành của HĐQT, Ban điều hành
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết HĐQT
- Giám sát tình hình tài chính công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, đóng góp ý kiến độc lập, khách quan để cùng HĐQT thảo luận, đánh giá và hỗ trợ đưa ra những quy định tối ưu.

Trong năm 2020, Ủy ban kiểm toán có 2 cuộc họp

Bảng 14: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Nguyễn Thị Lưu	2/2	100%	100%
2.	Đỗ Thị Bích Vân	2/2	100%	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao

Theo Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp 2020, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty. Tổng lương, thưởng, thù lao của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty năm 2020 là 900.926.667 VNĐ.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2020, Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ Châu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Bà Lê Thùy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn An Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lưu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trường Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đỗ Văn Sinh - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến ngành sản xuất sợi trong đó có Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng do đại dịch mang tới. Chúng tôi đã và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi - phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm
2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính

sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty phát sinh khoản lỗ trên Báo cáo tài chính là 200.057.670.006 đồng, luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm là 55.641.349.924 đồng; Các khoản vay ngân hàng quá hạn chưa được thanh toán là 205.739.656.572 đồng và Lãi vay ngân hàng quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ số tiền 204.557.133.342 đồng. Đồng thời, như đã trình bày tại thuyết minh số VII.3 về các diễn biến của dịch Covid 19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp, đồng thời còn phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản đầu tư của Công ty. Những điều kiện này cùng các vấn đề khác như đã trình bày tại thuyết minh số VII.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2020, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi quá hạn thanh toán số tiền 22.754.678.562 đồng. Theo đó, nếu khoản dự phòng này được ghi nhận, trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng số tiền 22.754.678.562 đồng, đồng thời chỉ tiêu “Lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm số tiền tương ứng ; trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ tăng thêm 22.754.678.562 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” cũng sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý tại phần Thuyết minh báo cáo tài chính các thuyết minh số V.4, Công ty đang trả trước cho Công ty CP Đầu tư 3GR để đặt mua bông nguyên liệu; thuyết minh số V.5 - Công ty có các khoản cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo; thuyết minh số

V.6 - Công ty có các khoản hợp tác đầu tư chưa đánh giá được tính hiệu quả. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đức Quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên năm trước đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



A handwritten signature in blue ink, which appears to be "Trần Thiện Thanh", written over a horizontal line.

Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán số 1932-2018-
072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

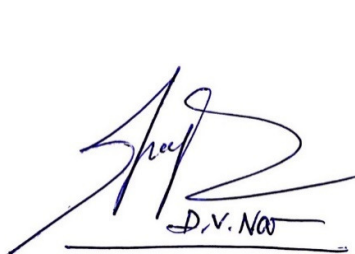
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		820.501.400.912	838.970.949.109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.541.089.172	12.371.157.159
1. Tiền	111		1.541.089.172	12.371.157.159
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	220.000.000	220.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		220.000.000	220.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		792.945.131.538	809.539.814.952
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	401.375.937.361	408.049.742.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	217.127.652.136	212.077.439.896
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	41.687.120	2.550.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	174.399.854.921	186.862.632.696
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	25.238.436.612	14.651.447.301
1. Hàng tồn kho	141		25.238.436.612	14.651.447.301
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		556.743.590	2.188.529.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	468.911.766	1.071.708.105
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	866.821.592
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	87.831.824	250.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		669.532.351.129	758.521.379.845
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		107.138.174.812	104.391.781.622
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	107.138.174.812	104.391.781.622
II. Tài sản cố định	220		469.366.610.071	549.751.963.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	463.849.072.776	543.200.449.310
- Nguyên giá	222		1.008.294.974.009	1.007.961.569.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(544.445.901.233)	(464.761.120.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.517.537.295	6.551.514.432
- Nguyên giá	228		7.944.995.383	7.944.995.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.427.458.088)	(1.393.480.951)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		64.263.392.230	62.086.274.250
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	64.263.392.230	62.086.274.250
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	240.000.000	240.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		240.000.000	240.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		28.524.174.016	42.051.360.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	28.524.174.016	42.051.360.231
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.490.033.752.041	1.597.492.328.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

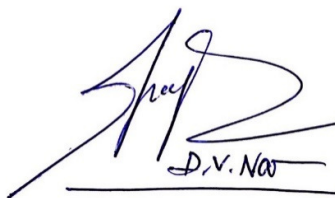
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.177.361.390.963	1.134.762.297.870
I. Nợ ngắn hạn	310		933.728.148.911	810.149.576.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	27.375.024.515	65.443.272.756
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.572.931.672	2.351.599.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	1.412.913.874	213.124.920
4. Phải trả người lao động	314		2.529.983.824	3.140.960.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	265.614.284.553	153.442.285.665
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	16.133.980.056	62.603.134.776
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	618.854.121.069	522.720.288.475
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		234.909.348	234.909.348
II. Nợ dài hạn	330		243.633.242.052	324.612.721.799
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	54.041.024.039	74.621.024.039
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	189.592.218.013	249.991.697.760
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312.672.361.078	462.730.031.084
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	312.672.361.078	462.730.031.084
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.142.927.632	9.142.927.632
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(196.470.566.554)	(46.412.896.548)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.587.103.452	47.335.216.213
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(200.057.670.006)	(93.748.112.761)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.490.033.752.041	1.597.492.328.954



D.V. Nam

Đào Văn Nam

Người lập



D.V. Nam

Đào Văn Nam

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Sinh

Tổng Giám đốc

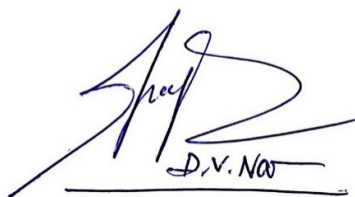
Ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

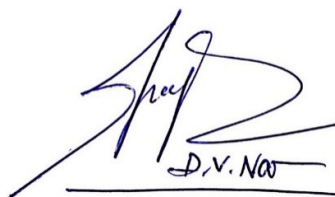
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		81.302.749.625	1.000.004.512.334
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	84.854.303
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	81.302.749.625	999.919.658.031
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	83.401.364.022	999.820.723.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.098.614.397)	98.934.218
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.552.777.386	20.979.304.211
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	90.495.660.927	63.987.377.187
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90.262.921.665	62.740.894.528
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.960.428.030	4.329.330.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.678.479.255	25.513.451.527
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(108.680.405.223)	(72.751.920.885)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	388.595.860	1.856.914.280
12. Chi phí khác	32	VI.7	91.603.692.467	22.853.106.156
13. Lợi nhuận khác	40		(91.215.096.607)	(20.996.191.876)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(199.895.501.830)	(93.748.112.761)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	162.168.176	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(200.057.670.006)	(93.748.112.761)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(4.001)	(1.875)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(4.001)	(1.875)



D.V. Nam

Đào Văn Nam

Người lập



D.V. Nam

Đào Văn Nam

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Sinh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

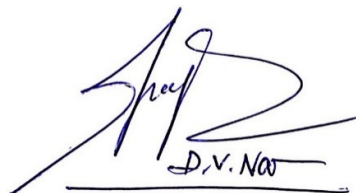
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

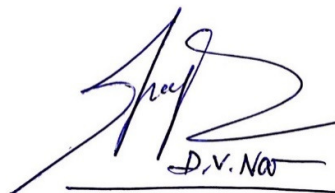
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(199.895.501.830)	(93.748.112.761)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	80.718.757.836	78.809.292.530
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.062.287.710)	(1.356.799.268)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(48.849.940)	53.062.650.678
Chi phí lãi vay	06	90.262.921.665	62.740.894.528
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(30.024.959.979)	99.507.925.707
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	6.911.962.188	(133.582.748.198)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(10.586.989.311)	131.467.614.416
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(34.410.777.332)	(79.903.967.620)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	14.129.982.554	(41.948.674.133)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.660.568.044)	(26.245.308.412)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(4.616.240.521)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(220.081.702.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.641.349.924)	(275.403.101.668)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(4.411.393.190)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.916.919.690	107.127.840.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.159.015.284	21.452.590.877
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.075.934.974	124.169.037.687
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	62.308.213.746	899.677.183.751
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.573.860.899)	(857.895.441.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	35.734.352.847	41.781.742.174
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.831.062.103)	(109.452.321.807)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.371.157.159	121.626.009.988
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		994.116	197.468.978
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.541.089.172	12.371.157.159



D.V. Nam



D.V. Nam



Đào Văn Nam

Người lập

Đào Văn Nam

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Sinh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2006 và các lần thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 04 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 279 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 602 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty như sau:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, lắp đặt các thiết bị khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;...

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

I. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Số năm

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 15

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ngoài ra, Công ty có 2 dự án được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi, cụ thể:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng cho Nhà máy kéo sợi 4.500 tấn – Đại Cường 2 là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 04/01/2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo. Năm 2020 nhà máy Đại Cường 2 chịu thuế suất thuế TNDN là 15%.

Dự án Nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ 4 có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm

2015) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 5 năm tiếp theo. Năm 2020, Nhà máy Đại Cường 5 chịu thuế suất 7,5%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	488.761.696	1.587.700.000
Tiền gửi ngân hàng	1.052.327.476	10.783.457.159
Cộng	1.541.089.172	12.371.157.159

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (*)	220.000.000	-	220.000.000	-
b. Đầu tư tài chính dài hạn				
Trái phiếu (**)	240.000.000	-	240.000.000	-
Cộng	460.000.000	-	460.000.000	-

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2017/1497403/HĐTĐG ngày 28/02/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (bên A) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (bên B) số tiền 220.000.000 đồng, thời hạn 1 năm từ 28/02/2017 đến 28/02/2018; lãi suất 6,5%/năm (trả lãi một lần khi đến hạn). Đây là khoản tiền gửi đảm bảo cho nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Nếu tiền gửi đến hạn mà bên A chưa có nhu cầu rút thì bên B chủ động chuyển toàn bộ số tiền gốc sang kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất thông báo của bên B tại thời điểm chuyển.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

(**) Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2028 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mã BIDV_18.06, số lượng 24 trái phiếu tại ngày 19/12/2018; mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu; thời hạn trái phiếu 10 năm; hình thức phát hành ghi sổ; ngày phát hành 19/12/2018; ngày đáo hạn 19/12/2028; Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1%/năm; phương thức trả lãi: trả sau; thời điểm trả lãi: định kỳ 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phú Việt	140.370.055.754	140.370.055.754
Công ty Cổ phần Tân An	134.225.113.612	134.228.246.412
Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	101.730.497.200	102.375.497.200
Công ty CP Đầu tư 3GR	10.767.329.593	9.777.486.214
Phải thu của khách hàng khác	14.282.941.202	21.298.456.780
Cộng	401.375.937.361	408.049.742.360
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	10.767.329.593	9.777.486.214

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tongkook International Trading Co.,limited (*)	138.716.007.074	138.716.007.074
Công ty CP Đầu tư 3GR (**)	72.219.248.110	69.179.248.110
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.192.396.952	4.182.184.712
Cộng	217.127.652.136	212.077.439.896
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số VII.2)	72.219.248.110	69.179.248.110

(*) Bao gồm các hợp đồng mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho dự án nhà máy Đức Quân 6. Công ty chưa thực hiện nhập các máy móc thiết bị phục vụ cho nhà máy Đức Quân 6 nguyên nhân là do việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm, Công ty chưa có nhu cầu về sử dụng bổ sung thêm các máy móc sản xuất.

(**) Số dư các khoản trả trước chủ yếu phát sinh từ năm 2018 theo hợp đồng nguyên tắc số 1511/DQ-3GR/2018 ngày 15/11/2018 và hợp đồng nguyên tắc số 0504/DQ-3GR/2019 ngày 05/04/2019 giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty CP Đầu tư 3GR, thời gian giao hàng dự kiến trên đơn đặt hàng từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 04 năm 2020. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid 19, các đơn đặt hàng sản xuất sụt giảm, nên Công ty chưa thực hiện nhập bông về kho theo lịch nhận hàng dự kiến trên.

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	35.687.120	2.550.000.000
Đối tượng khác	6.000.000	-
Cộng	41.687.120	2.550.000.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (*)	95.194.549.812	92.194.549.812
Công ty Cổ phần Bất động sản New City (**)	11.800.625.000	11.800.625.000
Đối tượng khác	143.000.000	396.606.810
Cộng	107.138.174.812	104.391.781.622
Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số VII.2)	107.030.861.932	106.569.710.622

(*) Bao gồm các hợp đồng cho vay:

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số 25032017/HĐVT ngày 25/03/2017 với số tiền 23.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn lần 1 số 01/25032017/HĐVT đến ngày 25/03/2019, phụ lục gia hạn lần 2 số 02/25032017 đến ngày 25/03/2020. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 01/07/2019, phụ lục hợp đồng được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay với số tiền 30.000.000.000 đồng theo hợp đồng số TC_28.12.18/HĐVT ngày 28/12/2018. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 28/12/2019, Phụ lục hợp đồng số TC 01/TC_28.12.18/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_30.11.18/HĐVT ngày 30/11/2018 số tiền 265.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 30/11/2019, phụ lục hợp đồng số TC 01/TC_30.11.18/HĐVT/PL được ký kết giữa công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_01.31.10.18/HĐVT ngày 31/10/2018 số tiền 265.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 30/10/2019, phụ lục hợp đồng số TC 01/TC_01.31.08.18/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_29.08.18/HĐVT ngày 29/08/2018 với số tiền 270.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 29/08/2019, phụ lục hợp đồng số TC 01/TC29.08.18/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_31.07.18/HĐVT ngày 31/07/2018 số tiền 290.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 31/07/2019, phụ lục hợp đồng số TC 01/TC31.07.18/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC_13.07.18/HĐVT ngày 13/07/2018 số tiền 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 13/07/2018, Phụ lục hợp đồng số TC 01/TC13.17.18/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số ĐQ-DC/HĐVT/01.2018 ngày 15/02/2018 số tiền 11.765.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 15/05/2019, Phụ lục hợp đồng số TC 01/ĐQ-ĐC/HĐVT/01.2018/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC010718/HĐVT ngày 01/07/2018 số tiền 22.097.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 01/07/2019, Phụ lục hợp đồng số 01/TC010718/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC100120/HĐVT ngày 10/01/2020 với số tiền 3.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo thỏa thuận số TT/ĐC-ĐQ/01.2020 ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty không thực hiện tính lãi đối với các khoản cho vay trong năm tài chính 2020.

(**) Bao gồm các hợp đồng cho vay:

- Khoản cho Công ty CP Bất động sản New City vay theo hợp đồng số 02012017/HĐVT ngày 02/01/2017 số tiền 58.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 05 tháng từ 03/01/2017 đến ngày 03/06/2017. Khoản cho vay đã được gia hạn thời hạn vay tiền từ 04/06/2017 đến 31/12/2018 theo phụ lục hợp đồng ký ngày 03/06/2017. Theo phụ lục hợp đồng gia hạn cho vay tiền lần 2 số PL02/02012017/HĐVT ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

02/01/2019 thì thời hạn hợp đồng được gia hạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2019. Lãi suất vay vốn là 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 01/05/2019, Phụ lục hợp đồng số 01/02012017/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty CP Bất động sản New City thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

- Khoản cho Công ty CP Bất động sản New City vay theo hợp đồng số ĐQ-NCT/HĐVT/01.2018 ngày 02/01/2018 số tiền 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 01/ĐQ-NCT/HĐVT/PL ngày 01/05/2019 gia hạn khoản vay thời hạn cho vay 60 tháng kể ngày bên vay nhận được tiền.

Theo thỏa thuận số TT/NCT-ĐQ/01.2020 ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty không thực hiện tính lãi đối với các khoản cho vay trong năm tài chính 2020.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	817.018.415	709.547.470
Phải thu khác ngắn hạn	173.582.836.506	186.153.085.226
<i>Công ty CP Bất động sản Đại Cường (*)</i>	<i>115.000.000.000</i>	<i>115.000.000.000</i>
<i>Công ty CP Bất động sản New City (**)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	<i>6.976.942.387</i>	<i>18.697.838.052</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.605.894.119</i>	<i>2.455.247.174</i>
Cộng	174.399.854.921	186.862.632.696
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số VII.2)	171.976.942.387	183.861.839.507

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 30112016 ngày 30/11/2016 và phụ lục hợp đồng số 01/30112016 ngày 30/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Theo đó, Công ty đầu tư 115.000.000.000 đồng để đầu tư vào dự án Khu thương mại dịch vụ căn hộ và phòng cho thuê tại số 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Khoản đầu tư có thời hạn đến ngày 31/12/2019. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty được hưởng 3000 m² sàn thương mại văn phòng của dự án, tương đương với 38,3 triệu đồng/m² (đã bao gồm thuế GTGT) tại vị trí đã được phê duyệt theo thỏa thuận giữa 2 bên hoặc Công ty được hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn cộng một khoản lãi với lãi suất 15%/năm tính trên tổng số tiền nhà đầu tư đã thực góp. Tài sản đảm bảo của khoản đầu tư này là 11.500.000 cổ phiếu của ông Lê Mạnh Thường tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Đến thời điểm 31/12/2020, số cổ phần của ông Lê Mạnh Thường sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân chỉ còn 5.100.000 cổ phần. Theo nghị quyết số 208/2019/NQ-FTM-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2019, Công ty sẽ thực hiện thoái vốn đầu tư trên, thời gian thoái vốn từ tháng 11 năm 2019 đến hết tháng 3 năm 2020.

(**) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản New City theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 m² để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019; Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000 m² hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn với một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.132.134.609	-	5.796.289.178	-
Công cụ, dụng cụ	4.828.299.371	-	6.448.699.812	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.615.747.987	-	730.566.423	-
Thành phẩm	662.254.645	-	1.675.891.888	-
Cộng	25.238.436.612	-	14.651.447.301	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	165.713.598.201	836.667.828.918	1.621.818.182	3.958.324.543	1.007.961.569.844
Mua trong năm	-	333.404.165	-	-	333.404.165
Số dư cuối năm	165.713.598.201	837.001.233.083	1.621.818.182	3.958.324.543	1.008.294.974.009
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	42.209.836.253	421.087.486.201	865.643.975	598.154.105	464.761.120.534
Khấu hao trong năm	8.388.460.635	70.519.391.611	274.363.500	502.564.953	79.684.780.699
Số dư cuối năm	50.598.296.888	491.606.877.812	1.140.007.475	1.100.719.058	544.445.901.233
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	123.503.761.948	415.580.342.717	756.174.207	3.360.170.438	543.200.449.310
Số dư cuối năm	115.115.301.313	345.394.355.271	481.810.707	2.857.605.485	463.849.072.776

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 463.849.072.776 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.591.540.964 đồng, tại ngày 01/01/2020 là 252.211.102 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	7.944.995.383	7.944.995.383
Số dư cuối năm	7.944.995.383	7.944.995.383
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.393.480.951	1.393.480.951
Khấu hao trong năm	1.033.977.137	1.033.977.137
Số dư cuối năm	2.427.458.088	2.427.458.088
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	6.551.514.432	6.551.514.432
Số dư cuối năm	5.517.537.295	5.517.537.295

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 (*)	63.712.592.230	62.086.274.250
Sửa chữa lớn TSCĐ	550.800.000	-
Cộng	64.263.392.230	62.086.274.250

(*) Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại khu công nghiệp khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 đồng. Việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm nên Công ty đang tạm ngừng hoạt động xây dựng nhà máy trên.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	269.293.920	727.082.658
Chi phí mua bảo hiểm	160.461.596	135.325.768
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.156.250	209.299.679
Cộng	468.911.766	1.071.708.105
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.874.438.969	11.430.987.083
Chi phí trả trước dài hạn khác	20.649.735.047	30.620.373.148
Cộng	28.524.174.016	42.051.360.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650
Zhejiang Hengyi Petrochemicals Co.,Ltd	3.299.287.680	3.299.287.680	-	-
Các nhà cung cấp khác	4.595.301.185	4.595.301.185	45.962.837.106	45.962.837.106
Cộng	27.375.024.515	27.375.024.515	65.443.272.756	65.443.272.756
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2)	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650	19.480.435.650

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Quân	976.278.553	976.278.553	237.187.438	237.187.438
ELITE GLOBAL VENTURES PTE LTD	306.198.998	306.198.998	-	-
Người mua trả tiền trước khác	290.454.121	290.454.121	2.114.411.957	2.114.411.957
Cộng	1.572.931.672	1.572.931.672	2.351.599.395	2.351.599.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Thuế và các khoản phải thu/ phải trả nhà nước

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ được khấu trừ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.831.824	162.168.176	-	250.000.000
Cộng	87.831.824	162.168.176	-	250.000.000
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	876.413.541	8.323.066.092	7.446.652.551	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	264.160.508	264.160.508	-
Thuế thu nhập cá nhân	144.055.350	214.742.545	283.812.115	213.124.920
Các loại thuế khác	392.444.983	821.828.761	429.383.778	-
Cộng	1.412.913.874	9.623.797.906	8.424.008.952	213.124.920

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (*)	215.775.486.246	152.611.613.240
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội	49.578.634.538	724.378.273
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	61.381.342
Các khoản trích trước khác	260.163.769	44.912.810
Cộng	265.614.284.553	153.442.285.665
b. Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (*)	54.041.024.039	74.621.024.039
Cộng	54.041.024.039	74.621.024.039

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HĐTDDT-NHPT ngày 31/12/2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/11/2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 01 năm 2023. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31/12/2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/09/2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý I năm 2025. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01/12/2014 sẽ được trả hàng tháng.

Đến thời điểm 31/12/2020, lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ là 200.216.696.392 đồng.

16. Phải trả ngắn hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	100.410.000	4.614.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	13.871.850.229	12.181.945.776
Phải trả, phải nộp khác	2.161.719.827	50.416.575.000
Cộng	16.133.980.056	62.603.134.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	444.098.565.843	444.098.565.843	62.215.251.693	26.453.314.649	408.336.628.799	408.336.628.799
Vay bằng VND						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (i)	310.866.334.293	310.866.334.293	58.954.933.074	10.916.342.000	262.827.743.219	262.827.743.219
Vay bằng USD						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (i)	133.232.231.550	133.232.231.550	589.958.619	4.013.108.075	136.655.381.006	136.655.381.006
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	-	-	-	8.853.504.574	8.853.504.574	8.853.504.574
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh(HDBank) - Chi nhánh Hải Đăng	-	-	2.670.360.000	2.670.360.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Trình bày thuyết minh vay dài hạn)	174.755.555.226	174.755.555.226			114.383.659.676	114.383.659.676
Cộng	618.854.121.069	618.854.121.069	62.215.251.693	26.453.314.649	522.720.288.475	522.720.288.475

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/1497403/HĐTD ngày 30 tháng 07 năm 2019. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 570 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Hạn mức chiết khấu là 100 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 31/01/2020. Thời hạn cho vay, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn, kho vật liệu phụ, hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ ngày 13/06/2016 ký giữa ông Lê Mạnh Thường, bà Bùi Thị Hằng và Ngân hàng, hợp đồng cầm cố số 01/2017/1497403/CC/HĐBĐ ngày 20/02/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng, máy ghép và máy xe kiện, máy chải thô, máy kiểm tra độ bền sợi, hệ thống server và phụ trợ ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.3/2019/1497403/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2020 gia hạn hiệu lực hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2019 - 2020 theo hợp đồng hạn mức tín dụng trên đến ngày 30/09/2020.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	364.347.773.239	364.347.773.239	92.962.053	120.546.250	364.375.357.436	364.375.357.436
Các khoản vay dài hạn của Công ty	101.428.854.063	101.428.854.063	34.582.053	45.486.250	101.439.758.260	101.439.758.260
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	36.624.507.500	36.624.507.500	-	-	36.624.507.500	36.624.507.500
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (ii)	56.365.761.349	56.365.761.349	-	-	56.365.761.349	56.365.761.349
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng USD</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	8.438.585.214	8.438.585.214	34.582.053	45.486.250	8.449.489.411	8.449.489.411
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	262.918.919.176	262.918.919.176	58.380.000	75.060.000	262.935.599.176	262.935.599.176
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (iii)	242.225.279.176	242.225.279.176	-	-	242.225.279.176	242.225.279.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	7.800.000.000	7.800.000.000
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	12.893.640.000	12.893.640.000	58.380.000	75.060.000	12.910.320.000	12.910.320.000
Cộng	364.347.773.239	364.347.773.239	92.962.053	120.546.250	364.375.357.436	364.375.357.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	174.755.555.226	174.755.555.226			114.383.659.676	114.383.659.676
Các khoản vay dài hạn của Công ty	65.041.172.714	65.041.172.714			14.040.000.000	14.040.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình	40.675.000.000	40.675.000.000			14.040.000.000	14.040.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	15.927.587.500	15.927.587.500			-	-
Vay dài hạn USD						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	8.438.585.214	8.438.585.214			-	-
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường:	109.714.382.512	109.714.382.512			100.343.659.676	100.343.659.676
Vay tổ chức tín dụng bằng VND						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình	89.020.742.512	89.020.742.512			68.415.752.176	68.415.752.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	7.800.000.000	7.800.000.000			19.017.587.500	19.017.587.500
Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	12.893.640.000	12.893.640.000			12.910.320.000	12.910.320.000
Cộng vay dài hạn	189.592.218.013	189.592.218.013			249.991.697.760	249.991.697.760

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 06 tháng 10 năm 2016, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2021. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là toàn bộ là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

- Khế ước vay dài hạn số 15082000222569 số tiền 20.696.920.000 đồng, giải ngân ngày 28/09/2018. Thời hạn vay 10 năm. Mục đích vay để đầu tư nhà máy Đức Quân 6.

(ii) Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%/ năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

- Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

- (iii) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

- Hợp đồng số 01/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(iv) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2020. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng; các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	7.727.176.184	73.750.967.661	581.478.143.845
Lỗi trong năm	-	-	(93.748.112.761)	(93.748.112.761)
Phân phối lợi nhuận	-	1.415.751.448	(1.415.751.448)	-
Trả cổ tức	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	9.142.927.632	(46.412.896.548)	462.730.031.084
Lỗi trong năm	-	-	(200.057.670.006)	(200.057.670.006)
Tăng khác (i)	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	9.142.927.632	(196.470.566.554)	312.672.361.078

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết số 70/2020/NQ-ĐHĐCĐ-ĐQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25 tháng 06 năm 2020, Công ty sẽ không chi trả cổ tức năm 2017, 2018 và 2019 với tổng giá trị cổ tức không chi trả là 50.000.000.000 đồng.

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	81.302.749.625	633.400.551.624
Doanh thu bán hàng hóa	-	366.519.106.407
Cộng	81.302.749.625	999.919.658.031

2. Giá vốn hàng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	83.401.364.022	634.888.547.164
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	364.932.176.649
Cộng	83.401.364.022	999.820.723.813

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	48.849.940	36.389.217
Lãi cho vay	-	18.339.633.067
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.503.927.446	2.603.281.927
Cộng	1.552.777.386	20.979.304.211

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	90.262.921.665	62.740.894.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá	232.739.262	1.246.482.659
Cộng	90.495.660.927	63.987.377.187

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Lương và các khoản trích theo lương	6.235.795.463	7.498.265.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.188.114.268	2.645.455.860
Chi phí công cụ dụng cụ	1.462.623.464	-
Thuế, phí và lệ phí	45.074.757	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.978.537.172	11.615.745.829
Chi phí bằng tiền khác	768.334.131	3.753.984.302
Cộng	15.678.479.255	25.513.451.527
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Lương và các khoản trích theo lương	537.020.547	317.043.867
Chi phí công cụ dụng cụ	128.254.293	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.295.153.190	4.012.286.733
Cộng	1.960.428.030	4.329.330.600

6. Thu nhập khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bông thiếu	-	1.717.804.019
Thu tiền bảo hiểm chi trả bảo hiểm tài sản nhà máy	259.231.532	-
Các khoản thu nhập khác	129.364.328	139.110.261
Cộng	388.595.860	1.856.914.280

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	1.326.700.331	1.003.397.979
Khấu hao tài sản vượt định mức	83.842.627.633	16.535.696.571
Chi phí khác	6.434.364.503	5.314.011.606
Cộng	91.603.692.467	22.853.106.156

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(199.895.501.830)	(93.748.112.761)
Các khoản loại trừ ra khỏi chi phí tính thuế		
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	91.603.692.467	-
- Chi phí lãi vay không được trừ	71.587.194.364	-
Lợi nhuận tính thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	(36.704.614.999)	(93.748.112.761)
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Truy thu thuế TNDN (*)	162.168.176	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	162.168.176	-

(*) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 876/QĐ-XPVPHC ngày 10/04/2020, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 162.168.176 đồng.

9. Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(200.057.670.006)	(93.748.112.761)
Trừ: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(200.057.670.006)	(93.748.112.761)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên một cổ phiếu	(4.001)	(1.875)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.406.856.474	437.793.896.558
Chi phí nhân công	14.349.605.052	40.856.441.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.913.533.674	79.924.975.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.187.950.577	409.219.812.275
Chi phí khác bằng tiền	1.053.869.851	21.270.853.392
Cộng	100.911.815.628	989.065.978.679

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của chuẩn mực số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất sợi và bộ phận địa lý chính là ở Việt Nam do đó Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR
Công ty CP Bất động sản Đại Cường
Bà Lê Thùy Anh
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
Công ty CP Bất động sản New City

Mối quan hệ

Công ty có liên quan
Công ty có liên quan
Công ty có liên quan
Công ty có liên quan
Cổ đông lớn
Công ty có liên quan
Công ty có liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu hồi khoản cho vay	25.667.658.090	16.397.244.133
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường	2.538.848.690	6.825.464.190
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	23.128.809.400	9.571.779.943
Thu hồi khoản hợp tác đầu tư	1.190.637.100	-
Công ty CP Bất động sản Đại Cường	1.190.637.100	-
Thu hồi lãi vay	9.124.090.900	416.695.209
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường	44.728.000	41.723.365
Công ty CP Bất động sản New City	370.000.000	374.971.844
Công ty CP Bất động sản Đại Cường	8.709.362.900	-
Cho vay	23.529.000.000	89.680.236.932
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	20.529.000.000	89.680.236.932
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.040.000.000	69.179.248.110
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	3.040.000.000	69.179.248.110
Mua hàng	7.529.028.308	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	7.529.028.308	-

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản cho vay	107.030.861.932	106.569.710.622
Chi nhánh công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	35.687.120	2.574.535.810
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	95.194.549.812	92.194.549.812
Công ty Cổ phần Bất động sản Newcity	11.800.625.000	11.800.625.000
Các khoản phải thu khách hàng	10.767.329.593	9.777.486.214
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10.767.329.593	9.777.486.214
Các khoản phải thu khác	171.976.942.387	183.697.838.052
Công ty CP Bất động sản Đại Cường	115.000.000.000	123.709.362.900
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	6.971.970.543	9.571.779.943
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường	-	41.723.365
Công ty CP Bất động sản New City	50.004.971.844	50.374.971.844
Tạm ứng	-	164.001.455
Bà Lê Thùy Anh	-	164.001.455
Trả trước cho người bán ngắn hạn	72.219.248.110	69.179.248.110
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	72.219.248.110	69.179.248.110
Phải trả nhà cung cấp	19.480.435.650	19.480.435.650
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung	19.480.435.650	19.480.435.650
Phải trả khác	3.004.635	-
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Đại Cường	3.004.635	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc	900.926.667	1.108.290.392
Cộng	900.926.667	1.108.290.392

3. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Sự lây lan của dịch bệnh do Covid19 gây ra đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến khó dự đoán của dịch bệnh Covid19 bùng phát ở Việt Nam. Sự kiện này đã tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của Covid19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, kèm theo các kế hoạch thích hợp trong ngắn hạn và dài hạn để kiểm soát sự không chắc chắn. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Ban Tổng Giám đốc đang chủ động xem xét lại chiến lược kinh doanh, làm việc với các đối tác và các tổ chức tín dụng nhằm ứng phó với tình hình tài chính hiện tại.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

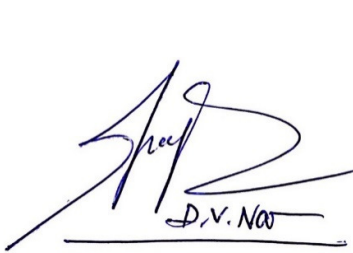
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

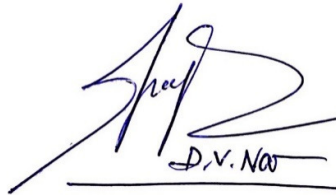
Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



D.V. Nam

Đào Văn Nam

Người lập



D.V. Nam

Đào Văn Nam

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Sinh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Người đại diện theo pháp luật của công ty



**TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ VĂN SINH**